

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

LỚP QUẢN TRỊ KINH DOANH TÀI NĂNG

Sinh viên : Trần Thị Phương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Sinh viên : Trần Thị Phương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Phương

Mã SV: 1212401057

Lớp: QTTN201

Ngành: Quản trị kinh doanh

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty trách
nhiệm hữu hạn thương mại Chấn Phong

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Hệ thống hóa lý luận chung về tổ chức kế toán hàng tồn kho trong các doanh nghiệp.
 - Mô tả thực trạng công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Chấn Phong.
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Chấn Phong.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu kế toán của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Chấn Phong năm 2015
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Chấn Phong

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

Kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Chân Phong

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Trần Thị Phương

Ths. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

Sinh viên Phương trong quá trình thực tập tốt nghiệp chấp hành tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn cả về thời gian và nội dung yêu cầu hướng dẫn. Ngoài ra sinh viên Phương còn chăm chỉ chịu khó tìm hiểu thực tế công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty Chân phong để phục vụ cho bài viết khóa luận.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

-Chương 1: Đưa ra được cơ sở lý luận chung về kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp.

-Chương 2: Mô tả được chi tiết thực trạng kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Chân Phong từ kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song đến kế toán tổng hợp theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

-Chương 3: Đưa ra được những nhận xét ưu nhược điểm trong công tác kế toán hàng tồn kho từ đó đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán này tại công ty TNHH Chân phong.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày 23 tháng 12 năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Trần Thị Thanh Thảo

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG I	3
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG	
TỒN KHO TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ	3
1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ.....	3
1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp...	3
1.1.2 Khái niệm, đặc điểm của hàng tồn kho	3
1.1.3 Phân loại hàng tồn kho trong doanh nghiệp.....	5
1.1.4 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp	6
1.1.5 Đánh giá hàng tồn kho	7
1.2 Nội dung về công tác kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ	11
1.2.1 Kế toán chi tiết hàng tồn kho	11
1.2.2 Kế toán tổng hợp hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ	16
1.2.3 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	26
1.3 Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp.....	27
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung	27
1.3.2 Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái.....	29
1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	31
1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính	33
CHƯƠNG II.....	36
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TRÁCH	
NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG	36
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH TM Chấn Phong.....	36
Giới thiệu về công ty:.....	36
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH TM Chấn Phong	36
a. Thuận lợi.....	38

b. Khó khăn	38
2.1.2 Đặc điểm về lao động của công ty	39
2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH TM Chấn Phong	39
2.1.4 Tình hình tài chính của công ty TNHH TM Chấn Phong.....	41
2.1.5 Tổ chức kế toán tại công ty TNHH TM Chấn Phong	47
2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Chấn Phong	49
2.2.1 Kế toán chi tiết hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Chấn Phong ..	49
2.2.2 Kế toán tổng hợp hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Chấn Phong	70
2.2.3 Công tác kiểm kê hàng tồn kho.....	78
CHƯƠNG III.....	80
MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG	80
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Chấn Phong	80
3.1.1 Ưu điểm.....	80
3.1.2 Nhược điểm.....	82
3.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Chấn Phong	83
3.2.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Chấn Phong	83
KẾT LUẬN	92
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	93

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1	Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp thẻ song song ..	12
Sơ đồ 1.2	Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp sổ sổ dư	14
Sơ đồ 1.3	Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	15
Sơ đồ 1.4	Hạch toán công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên	18
Sơ đồ 1.5	Hạch toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên	19
Sơ đồ 1.6	Hạch toán tổng hợp hàng gửi đi bán	21
Sơ đồ 1.7	Hạch toán công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ	23
Sơ đồ 1.8	Hạch toán hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ	25
Sơ đồ 1.9	Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức nhật ký chung	28
Sơ đồ 1.10	Trình tự kế toán hàng tồn kho theo hình thức Nhật ký - sổ cái	30
Sơ đồ 1.11	Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Chứng từ ghi sổ	32
Sơ đồ 1.12	Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức kế toán trên máy vi tính	34
Sơ đồ 2.1	Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH TM Chân Phong	40
Sơ đồ 2.2	Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH TM Chân Phong	48
Sơ đồ 2.3	Quá trình hạch toán theo phương pháp thẻ song song	53
Sơ đồ 2.4	Quy trình hạch toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH TM Chân Phong	71

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 Hóa đơn GTGT	56
Biểu số 2.2 Phiếu nhập kho.....	57
Biểu số 2.3 Hóa đơn GTGT	58
Biểu số 2.4 Phiếu nhập kho.....	59
Biểu số 2.5 Phiếu xuất kho.....	60
Biểu số 2.6 Phiếu xuất kho.....	61
Biểu số 2.7 Thẻ kho (Sổ kho).....	62
Biểu số 2.8 Thẻ Kho (Sổ kho).....	63
Biểu số 2.9 Sổ chi tiết hàng hóa.....	65
Biểu số 2.10 Sổ chi tiết hàng hóa.....	67
Biểu số 2.11 Bảng tổng hợp Nhập-Xuất-Tồn	69
Biểu số 2.12 Sổ Nhật ký chung	75
Biểu số 2.13 Sổ Cái.....	77
Biểu số 2.14 Biên bản kiểm kê hàng tồn kho.....	79
Biểu số 3.1 Sổ danh điểm hàng hóa	88
Biểu số 3.2 Sổ giao nhận chứng từ.....	89

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm gần đây, chúng ta đã và đang được chứng kiến sự chuyển mình phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thế giới. Và thực tế cho thấy, không riêng gì thế giới mà Việt Nam cũng đang hòa nhập với xu thế toàn cầu hóa, đẩy mạnh phát triển nền kinh tế quốc gia. Một lực lượng không thể thiếu góp phần trong sự phát triển ấy chính là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ thương mại. Tuy nhiên để hoạt động một cách có hiệu quả, mang lợi ích kinh tế cao thì các doanh nghiệp này phải nắm bắt và quản lý tốt quá trình lưu thông hàng hóa từ bước nhập đến bước xuất hàng hóa.

Hàng tồn kho là một bộ phận tài sản lưu động chiếm giá trị lớn và có vị trí quan trọng trong toàn bộ quá trình sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp thương mại. Hàng tồn kho ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình lưu thông hàng hóa trong doanh nghiệp thương mại. Vì thế việc thông tin chính xác kịp thời về hàng tồn kho sẽ vô cùng quan trọng, nó giúp cho mọi hoạt động của doanh nghiệp diễn ra bình thường. Ngoài ra, việc quản lý tốt hàng tồn kho còn đảm bảo doanh nghiệp không bị ứ đọng vốn, không gián đoạn kinh doanh. Bên cạnh đó việc tính đúng giá hàng tồn kho sẽ giúp doanh nghiệp đưa ra các chỉ tiêu tài chính chuẩn xác.

Chính vì lý do trên mà việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý và hạch toán hàng tồn kho là rất cần thiết đối với doanh nghiệp thương mại. Cần đưa ra được các chiến lược, biện pháp giúp doanh nghiệp hoàn thiện hơn công tác kế toán hàng tồn kho để từ đó góp phần giúp doanh nghiệp phát triển hơn.

Từ những nhận thức nêu trên và những kiến thức đã được học trên ghế nhà trường, trong quá trình thực tập tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Chân Phong em đã đi sâu vào tìm hiểu, nghiên cứu hàng tồn kho và chọn đề tài làm khóa luận tốt nghiệp cho mình là: ***“Hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Chân Phong”***. Đặc biệt có sự giúp đỡ của các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh nhất là dưới sự hướng dẫn của Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo và các cô chú anh chị trong Công ty đã giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Khóa luận ngoài mở đầu và kết luận gồm 3 chương sau:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chương II: Thực trạng công tác hàng tồn kho tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Chấn Phong

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Chấn Phong

Mặc dù bản thân em đã cố gắng nghiên cứu và tìm hiểu song do thời gian có hạn, vấn đề nghiên cứu rộng, phức tạp nên không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2016

Sinh viên

Trần Thị Phương

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VỪA VÀ NHỎ

1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ

1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp

Hàng tồn kho là tất cả những nguồn lực dự trữ nhằm đáp ứng cho nhu cầu hiện tại hoặc tương lai, nó chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu tài sản lưu động của doanh nghiệp – nhất là đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại. Hay nói cách khác nó là một khâu không thể thiếu trong quá trình luân chuyển vốn lưu động của doanh nghiệp. Giá trị hàng tồn kho cho thấy tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp có bị ứ đọng hay không? Hàng tồn kho quá nhiều hay quá ít đều gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh đặc biệt là các doanh nghiệp thương mại.

Trong quá trình kinh doanh thì các doanh nghiệp thường phải kinh doanh nhiều loại mặt hàng. Mỗi mặt hàng đều có các đặc điểm và khả năng lưu chuyển khác nhau. Vì vậy đòi hỏi doanh nghiệp cần phải thường xuyên nắm bắt được tình hình lưu chuyển hàng hóa để từ đó quản lý hàng tồn kho một cách tốt nhất.

Kế toán là công cụ không thể thiếu để phục vụ cho việc quản lý hàng tồn kho. Nó góp phần giúp doanh nghiệp kiểm kê, giám sát hàng hóa trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Kế toán hàng tồn kho giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp nắm bắt được tình hình lưu chuyển hàng hóa để từ đó có hướng chỉ đạo kinh doanh kịp thời và chính xác. Do vậy, hàng tồn kho cũng như mọi tài sản khác của doanh nghiệp cần phải được quản lý chặt chẽ để đảm bảo doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả và tạo tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu lợi nhuận.

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm của hàng tồn kho

1.1.2.1 Khái niệm hàng tồn kho

Theo chuẩn mực số 02 – Hàng tồn kho (Ban hành theo QĐ 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001) hàng tồn kho là:

- Tài sản được bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường
- Tài sản đang trong quá trình kinh doanh sản xuất dở dang
- Là nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ được sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ.

Hàng tồn kho trong doanh nghiệp là một bộ phận tài sản ngắn hạn dự trữ cho sản xuất lưu thông hoặc đang trong quá trình sản xuất chế tạo ở doanh nghiệp.

Hàng tồn kho của doanh nghiệp bao gồm:

- Hàng hoá mua về để bán (hàng hoá tồn kho, hàng mua đang đi trên đường, hàng gửi đi bán, hàng hoá gửi đi gia công chế biến)
- Thành phẩm tồn kho, thành phẩm gửi đi bán, sản phẩm dở dang (sản phẩm chưa hoàn thành và sản phẩm hoàn thành chưa làm thủ tục nhập kho thành phẩm)
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho, gửi đi gia công chế biến và đã mua đang đi trên đường
- Chi phí dở dang

Trong doanh nghiệp thương mại hàng tồn kho là toàn bộ hàng hóa mua về để bán (hàng hóa tồn trong kho, hàng mua đang đi đường, hàng gửi đi bán).

1.1.2.2 Đặc điểm hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại

- Hàng tồn kho là một bộ phận của tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản lưu động của doanh nghiệp. Việc quản lý và sử dụng có hiệu quả hàng tồn kho có ảnh hưởng lớn đến việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hàng tồn kho được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau nên chi phí cấu thành nên giá gốc hàng tồn kho cũng khác nhau. Xác định đúng, đủ các yếu tố chi phí cấu thành nên giá gốc hàng tồn kho sẽ góp phần tính toán và hạch toán làm cơ sở xác định lợi nhuận thực hiện trong kỳ.

- Hàng tồn kho tham gia toàn bộ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trong đó có các nghiệp vụ xảy ra thường xuyên với tần suất lớn, qua đó hàng tồn kho luôn biến đổi về mặt hình thái hiện vật và chuyển hóa thành những tài sản ngắn hạn khác như tiền tệ, sản phẩm dở dang hay thành phẩm...

- Hàng tồn kho có thể bị hao mòn hữu hình hoặc vô hình thông qua các biểu hiện của hàng hóa như hư hỏng, lỗi thời...

- Giá trị nhập kho của hàng tồn kho thường được cộng (hoặc trừ) các chi phí thu mua, các khoản giảm giá, bớt giá,...

- Nhiều phương pháp đánh giá, tính giá thực tế xuất hàng tồn kho nên khác nhau về trị giá hàng tồn kho thực tế và lợi nhuận kinh doanh.

- Việc xác định chất lượng, tình trạng và giá trị hàng tồn kho luôn là công việc khó khăn và phức tạp. Có rất nhiều loại hàng tồn kho rất khó phân loại và xác định giá trị như các tác phẩm nghệ thuật, các loại linh kiện điện tử, đồ cổ, kim khí quý,...

1.1.3 Phân loại hàng tồn kho trong doanh nghiệp

Hàng tồn kho trong các doanh nghiệp có nhiều loại, nhiều thứ có vai trò, công dụng khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh. Việc xác định và ghi nhận hàng tồn kho đòi hỏi phải được quan tâm thường xuyên vì hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số các tài sản lưu động của các doanh nghiệp. Để quản lý tốt hàng tồn kho cần phải phân loại, sắp xếp hàng tồn kho theo những nhóm và theo tiêu thức nhất định.

a. Phân loại hàng hóa tồn kho theo nguồn gốc hình thành

- Hàng tồn kho được mua vào bao gồm:

+ Hàng mua từ bên ngoài: là toàn bộ hàng tồn kho được doanh nghiệp mua từ các nhà cung cấp ngoài hệ thống tổ chức kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Hàng mua nội bộ: là toàn bộ hàng tồn kho được doanh nghiệp mua từ các nhà cung cấp thuộc hệ thống tổ chức kinh doanh của doanh nghiệp như mua hàng giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một Công ty, Tổng công ty...

+ Hàng tồn kho tự sản xuất, gia công là toàn bộ hàng tồn kho được gia công sản xuất tạo thành.

+ Hàng tồn kho được nhập từ các nguồn khác như: hàng tồn kho được nhập từ liên doanh, liên kết, hàng tồn kho được biếu tặng...

Các phân loại này giúp cho việc xác định các yếu tố cấu thành trong giá gốc hàng tồn kho, nhằm tính đúng, tính đủ giá gốc hàng tồn kho theo từng nguồn hình thành. Qua đó, giúp doanh nghiệp đánh giá đúng mức độ ổn định của nguồn hàng trong quá trình xây dựng kế hoạch, dự toán về hàng tồn kho. Đồng thời, việc phân loại chi tiết tiền hàng tồn kho được mua từ bên ngoài và hàng mua nội bộ giúp cho việc xác định chính xác giá trị hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất.

b. Phân loại hàng kho theo yêu cầu sử dụng

Hàng hóa tồn kho sử dụng cho kinh doanh: phản ánh giá trị hàng tồn kho được dự trữ hợp lý đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh được tiến hành bình thường.

- Hàng tồn kho chưa cần sử dụng: phản ánh hàng tồn kho được dự trữ ở mức cao hơn.

- Hàng tồn kho không cần sử dụng: phản ánh giá trị hàng tồn kho kém hoặc mất phẩm chất không được doanh nghiệp sử dụng cho mục đích sản xuất. Cách phân loại này giúp đánh giá mức độ hợp lý của hàng tồn kho, xác định đối tượng cần lập dự phòng và mức độ dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần lập.

c. Phân loại hàng hóa tồn kho theo địa điểm bảo quản

- Hàng hóa tồn kho bên trong doanh nghiệp: Phản ánh toàn bộ hàng tồn kho đang được bảo quản tại doanh nghiệp như hàng trong kho, trong quầy.

- Hàng hóa tồn kho bên ngoài doanh nghiệp: phản ánh toàn bộ hàng tồn kho được bảo quản tại các đơn vị, tổ chức, cá nhân ngoài doanh nghiệp như hàng gửi đi bán, hàng đang đi đường.

Cách phân loại này giúp cho việc phân định trách nhiệm vật chất liên quan đến hàng tồn kho, làm cơ sở để hạch toán giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát trong quá trình bảo quản.

1.1.4 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp

1.1.4.1 Yêu cầu quản lý

Xuất phát từ vai trò, đặc điểm của hàng tồn kho trong quá trình kinh doanh đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ, khoa học ở các khâu nhập, xuất hàng hóa.

- Trong khâu nhập hàng

Các doanh nghiệp phải có kế hoạch, chiến lược để tiến hành nhập hàng hóa phục vụ cho quá trình kinh doanh. Hàng hóa phải đáp ứng được nhu cầu của thị trường một cách kịp thời và chính xác. Đa dạng hóa mặt hàng để thu hút khách hàng đến với doanh nghiệp. Tìm tòi các nhà cung cấp, đảm bảo về mặt chất lượng và giá cả.

- Trong khâu xuất hàng

Doanh nghiệp cần tính toán đầy đủ, chính xác, kịp thời nguyên giá hàng hóa để mang đến cho khách hàng sản phẩm có chất lượng và giá cả tốt nhất. Dự đoán mức cầu của thị trường. Có chiến lược để thu hút khách hàng và giảm mức rủi ro hàng hóa tối thiểu.

1.1.4.2 Nhiệm vụ kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp

Từ thực tế nền kinh tế hiện nay, tổ chức tốt công tác hoàn thiện kế toán hàng tồn kho trong các doanh nghiệp thương mại có vai trò đặc biệt quan trọng. Nó giúp doanh nghiệp có lượng hàng hóa dự trữ đúng mức, không dự trữ quá nhiều gây ứ đọng vốn, cũng không dự trữ quá ít gây gián đoạn việc kinh doanh. Doanh nghiệp muốn đưa ra được những dự báo chính xác, kịp thời, trước tiên phải làm tốt công tác kế toán hàng tồn kho. Kế toán phải nắm được chính xác số liệu chi tiết, đầy đủ, chuẩn xác, kịp thời của từng loại mặt hàng để cung cấp cho lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp. Qua số liệu đó họ có biện pháp, chiến lược cung cầu hàng hóa cho thị trường. Tuy nhiên, để phát huy tốt vai trò đó, kế toán hàng tồn kho cần thực hiện một số vai trò sau:

- Tuân thủ nguyên tắc chứng từ nhập - xuất hàng hóa
- Ghi chép đầy đủ, trung thực, kịp thời tình hình biến động của hàng tồn kho trên cơ sở đó phát hiện, ngăn ngừa những hành vi tham ô thiếu trách nhiệm làm tổn hại đến tài sản của doanh nghiệp.
- Thường xuyên đối chiếu, kiểm kê số liệu hàng hóa với các bộ phận liên quan để đảm bảo số liệu trên sổ sách kế toán với số liệu tồn kho thực tế khớp nhau.
- Xác định đúng giá gốc của hàng tồn kho để làm cơ sở xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.5 Đánh giá hàng tồn kho

a. Yêu cầu đánh giá hàng tồn kho

- Yêu cầu về tính chân thực: việc tính giá hàng hoá phải được tiến hành dựa trên cơ sở tổng hợp đầy đủ đúng đắn và hợp lý các chi phí thực tế cấu thành lên giá trị vốn của hàng hoá và loại trừ các chi phí bất hợp lý, các chi phí đã thu hồi (nếu có), giảm thiểu chi phí kém hiệu quả. Ngoài ra còn thể hiện việc sử dụng giá tính có phù hợp với giá cả thị trường hay không.

- Yêu cầu về tính thống nhất: là nội dung và phương pháp tính giữa các niên độ kế toán của một đơn vị phải thống nhất, nếu có bất kỳ thay đổi nào phải giải trình trên thuyết minh báo cáo tài chính. Cách tập hợp chi phí, cách tính toán phân bổ, tiêu thức phân bổ chung để xác định chỉ tiêu về giá vốn hàng mua nhập kho và trị giá vốn xuất kho giữa các kỳ hạch toán phải nhất quán tránh ảnh hưởng của trị giá vốn đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kế toán hàng tồn kho phản ánh trên các tài khoản thuộc nhóm hàng tồn kho phải được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán 02 “ Hàng tồn

kho” về việc xác định giá gốc hàng tồn kho, phương pháp tính giá hàng tồn kho,...

- Nguyên tắc xác định giá gốc hàng tồn kho được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hóa, theo nguồn hình thành và thời điểm tính giá.

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì hàng hóa được phản ánh theo giá mua có cả thuế GTGT đầu vào.

- Khi xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, doanh nghiệp áp dụng một trong các phương pháp sau:

- + Phương pháp tính giá đích danh
- + Phương pháp bình quân gia quyền
- + Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)
- + Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

- Đến cuối niên độ kế toán, nếu xét thấy giá trị hàng tồn kho không thu hồi do bị hư hỏng, lỗi thời thì phải ghi giảm giá gốc hàng tồn kho cho bằng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thiện sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết. Việc này được thực hiện bằng cách lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho, lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

- Kế toán hàng tồn kho phải đồng thời kế toán chi tiết cả về giá trị và hiện vật theo từng thứ, loại, quy cách...theo từng địa điểm quản lý và sử dụng, luôn phải đảm bảo sự khớp giữa sổ sách thực tế. Có ba phương pháp kế toán chi tiết:

- + Phương pháp thẻ song song
- + Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển
- + Phương pháp sổ số dư

Doanh nghiệp chỉ được áp dụng một trong hai phương pháp kế toán hàng tồn kho:

- + Phương pháp kê khai thường xuyên
- + Phương pháp kiểm kê định kỳ

b. Các phương pháp xác định trị giá hàng tồn kho

- ❖ Phương pháp bình quân gia quyền

- Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của hàng tồn kho đầu kỳ và hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ, theo công thức sau:

Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp và được tính theo 3 phương pháp sau:

$$\text{Giá thực tế xuất kho} = \text{Số lượng xuất kho} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân}$$

- Theo giá bình quân gia quyền cả kỳ

Phương pháp này đến cuối kỳ mới tính giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- Ưu điểm: Đơn giản, chỉ cần tính toán 1 lần cuối kỳ

- Nhược điểm: Độ chính xác không cao, thực hiện dồn vào cuối kỳ gây ảnh hưởng đến tiến độ các phần hành khác, chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời thông tin kế toán ngày tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hóa kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và đơn giá bình quân.

$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trước lần thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trước lần thứ } i}$$

- Ưu điểm: Độ chính xác cao, đáp ứng đc yêu cầu kịp thời thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Nhược điểm: Tính toán phức tạp, nhiều lần

Do những đặc điểm trên phương pháp này phù hợp với những doanh nghiệp ít loại mặt hàng, lưu lượng nhập xuất ít, giá hàng hóa ít biến động.

❖ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

- Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Ưu điểm: Có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, do vậy đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như cho quản lý. Trị giá vốn của hàng tồn kho sẽ tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng đó. Vì vậy chỉ tiêu hàng tồn kho trên báo cáo kế toán có ý nghĩa thực tế hơn.

- Nhược điểm: Làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có được từ cách đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc sẽ tăng lên rất nhiều.

- Điều kiện áp dụng: Đối với doanh nghiệp ít mặt hàng, đơn giá vật tư hàng hóa lớn cần theo dõi chính xác đơn giá xuất của từng vật tư theo từng lần nhập.

❖ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Phương pháp nhập sau xuất trước nghĩa là hàng mua vào sau được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Phương pháp này ngược với phương pháp trên và chỉ áp dụng với giai đoạn lạm phát.

- Ưu điểm Phương pháp này chi phí của lần mua gần nhất tương đối sát với giá vốn của hàng thay thế. Việc thực hiện phương pháp này sẽ đảm bảo yêu cầu nguyên tắc phù hợp trong kế toán.

- Nhược điểm: Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ có thể không sát với trị giá hàng thay thế.

- Điều kiện áp dụng: Đối với doanh nghiệp ít mặt hàng, đơn giá hàng vật tư biến động mạnh.

❖ Phương pháp tính giá đích danh

- Phương pháp này áp dụng đối với doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

- Ưu điểm: Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

- Nhược điểm: Việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, nhiều công sức vì phải nhận biết giá gốc của từng đơn vị hàng tồn kho.

- Điều kiện áp dụng: chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

1.2 Nội dung về công tác kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ

1.2.1 Kế toán chi tiết hàng tồn kho

- Tổ chức kế toán chi tiết hàng tồn kho có ý nghĩa quan trọng đối với công tác bảo quản và kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng hàng tồn kho kế toán chi tiết hàng tồn kho vừa được thực hiện ở kho, vừa được thực hiện ở phòng kế toán.

- Kế toán chi tiết hàng tồn kho được thực hiện một trong ba phương pháp:

- + Phương pháp thẻ song song
- + Phương pháp đối chiếu luân chuyển
- + Phương pháp sổ số dư

1.2.2.1 Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song

- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép. Hàng ngày căn cứ vào chứng từ nhập, xuất để ghi số lượng hàng hóa vào thẻ kho và cuối ngày tính ra số tồn kho của từng loại hàng hóa. Phòng kế toán lập thẻ kho ghi lại các chỉ tiêu: Tên, nhãn hiệu, quy cách, đơn vị tính, mã số hàng tồn kho sau đó giao cho thủ kho sao chép hàng ngày.

- Tại phòng kế toán: Sử dụng sổ chi tiết hàng hóa để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn của từng loại hàng hóa cả về mặt số lượng lẫn giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập - xuất hàng hóa thủ kho chuyển lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra, ghi chép phản ánh vào các sổ chi tiết. Cuối tháng căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn hàng hóa.

- Số tồn trên các sổ chi tiết phải khớp đúng với số tồn trên thẻ kho.

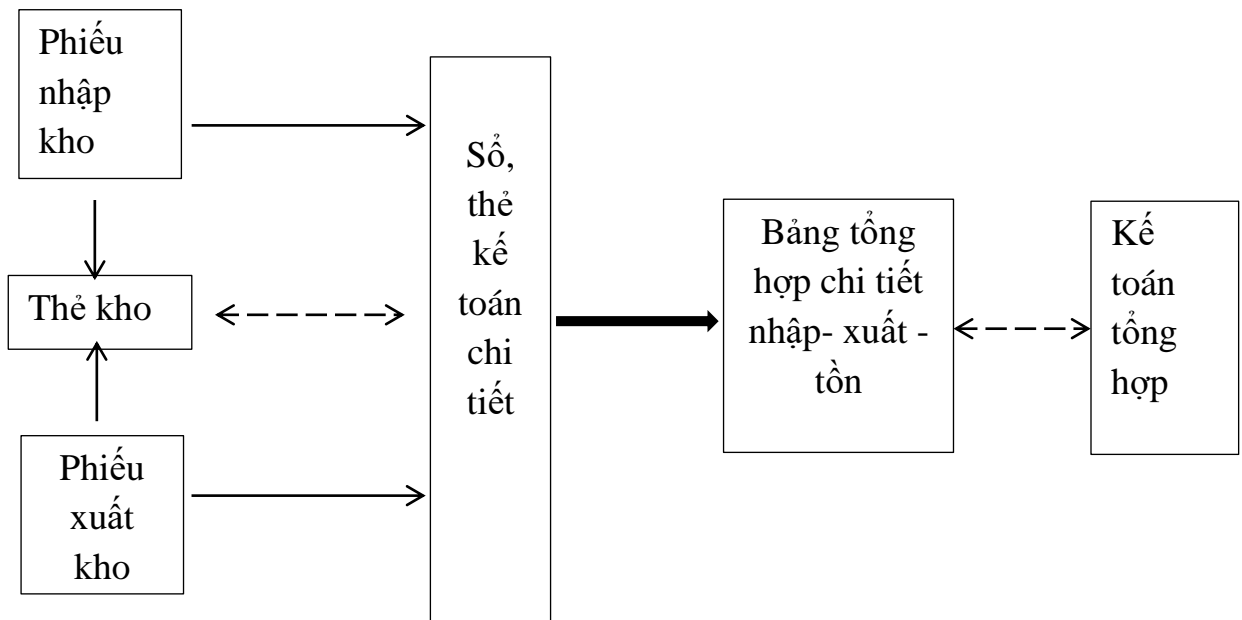
- Ưu điểm: phương pháp này đơn giản, dễ thực hiện, đảm bảo chính xác các thông tin, có khả năng cung cấp thông tin nhanh cho quản trị hàng tồn kho.

- Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, việc kiểm tra đối chiếu tiến hành chủ yếu vào cuối tháng do vậy hạn chế chức năng của kế toán.

- Điều kiện áp dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp ít loại vật liệu, hàng hóa, khối lượng các nghiệp vụ thấp, xuất ít, phát sinh không thường xuyên.

- Quá trình luân chuyển chứng từ:

Sơ đồ 1.1 Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: —————>
- Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ: —————>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <----->

Phương pháp thẻ song song đơn giản dễ thực hiện và tiện lợi khi được xử lý bằng máy tính. Hiện nay phương pháp thẻ song song được áp dụng phổ biến ở các doanh nghiệp.

1.2.2.2 Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp sổ số dư

- Phương pháp sổ số dư là phương pháp được sử dụng cho các doanh nghiệp dùng giá hạch toán để xác định giá trị hàng hóa nhập, xuất, tồn kho. Đặc điểm của phương pháp này là ở kho chỉ theo dõi hàng hóa về số lượng còn phòng kế hoạch theo dõi về giá trị.

- Tại kho: Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép số lượng hàng hóa nhập, xuất, tồn trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất. Ngoài ra vào cuối tháng thủ kho còn phải căn cứ vào số tồn của hàng hóa trên thẻ kho để ghi sổ số dư do phòng kế hoạch lập và gửi xuống cho thủ kho vào ngày cuối tháng để ghi sổ.

- Các chứng từ nhập, xuất sau khi đã ghi vào thẻ kho phải được thủ kho phân loại theo từng chứng từ nhập, xuất của từng loại hàng hóa để lập phiếu giao nhận chứng từ và chuyển giao cho phòng kế toán kèm theo các chứng từ nhập, xuất ở phòng kế toán:

+ Nhân viên kế toán phải có trách nhiệm theo định kỳ (3-5 ngày) xuống kho để kiểm tra, hướng dẫn việc ghi chép của thủ kho và xem xét các chứng từ nhập, xuất đã được thủ kho phân loại. Sau đó ký nhận vào phiếu giao nhận chứng từ, thu nhận phiếu này cùng các chứng từ nhập, xuất có liên quan.

+ Căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất nhận được kế toán phải đối chiếu với các chứng từ khác có liên quan, sau đó căn cứ vào giá hạch toán đang sử dụng để ghi giá vào các chứng từ và vào cột số tiền của phiếu giao nhận chứng từ. Từ phiếu giao nhận chứng từ, kế toán tiến hành ghi vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn hàng hóa.

+ Bảng lũy kế nhập, xuất, tồn được mở riêng cho từng kho và mỗi danh điểm hàng hóa được ghi riêng một dòng. Vào cuối tháng, kế toán phải tổng hợp số tiền nhập, xuất trong tháng và tính ra số dư cho cuối tháng cho từng loại hàng hóa trên bảng lũy kế.

Số dư trên bảng lũy kế phải khớp với số tiền được kế toán xác định trên sổ số dư do thủ kho chuyển về.

- Ưu điểm: Cho phép kiểm tra thường xuyên công việc ghi chép ở kho, quản lý được hàng hóa, kế toán ghi chép đều đặn trong tháng đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời, nâng cao công tác kế toán.

- Nhược điểm: Do ở phòng kế toán chỉ ghi chỉ tiêu thành tiền của nhóm và loại vật tư, hàng hoá vậy để có thông tin về tình hình nhập, xuất, hiện còn của thứ hàng nào đó phải căn cứ vào số liệu trên thẻ kho.

Khi cần lập báo cáo tuần kỳ về vật tư, hàng hoá phải căn cứ trực tiếp vào số liệu trên các thẻ kho.

Khi kiểm tra đối chiếu số liệu, nếu phát hiện sự không khớp đúng giữa số liệu trên sổ số dư với số liệu tương ứng trên bảng kê nhập, xuất, tồn kho thì việc tìm kiếm tra cứu sẽ rất phức tạp.

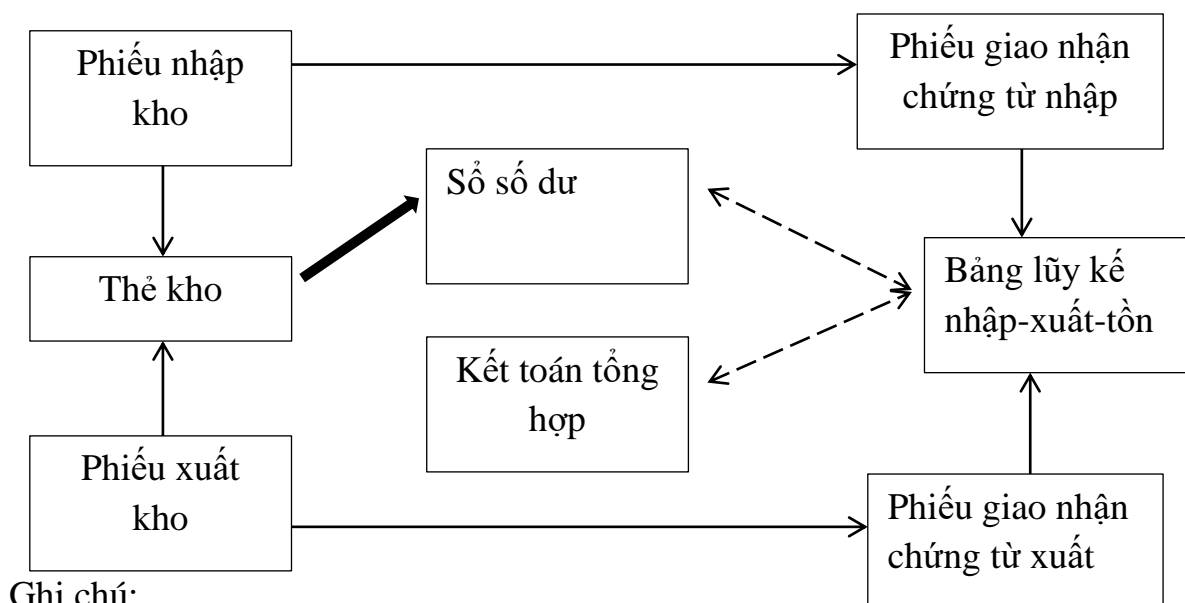
- Điều kiện áp dụng:

Nên áp dụng trong các doanh nghiệp sử dụng nhiều chủng loại vật tư hay kinh doanh nhiều mặt hàng, tình hình nhập, xuất vật tư, hàng hoá xảy ra thường xuyên.

Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống đơn giá hạch toán sử dụng trong hạch toán chi tiết vật tư, hàng hoá và xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư, hàng hoá hợp lý. Nhân viên kế toán hàng tồn kho có trình độ cao, đồng thời thủ kho của doanh nghiệp vừa có khả năng chuyên môn tốt, vừa ý thức được đầy đủ trách nhiệm trong quản lý vật tư, hàng hoá.

- Quá trình luân chuyển chứng từ:

Sơ đồ 1.2 Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp sổ số dư



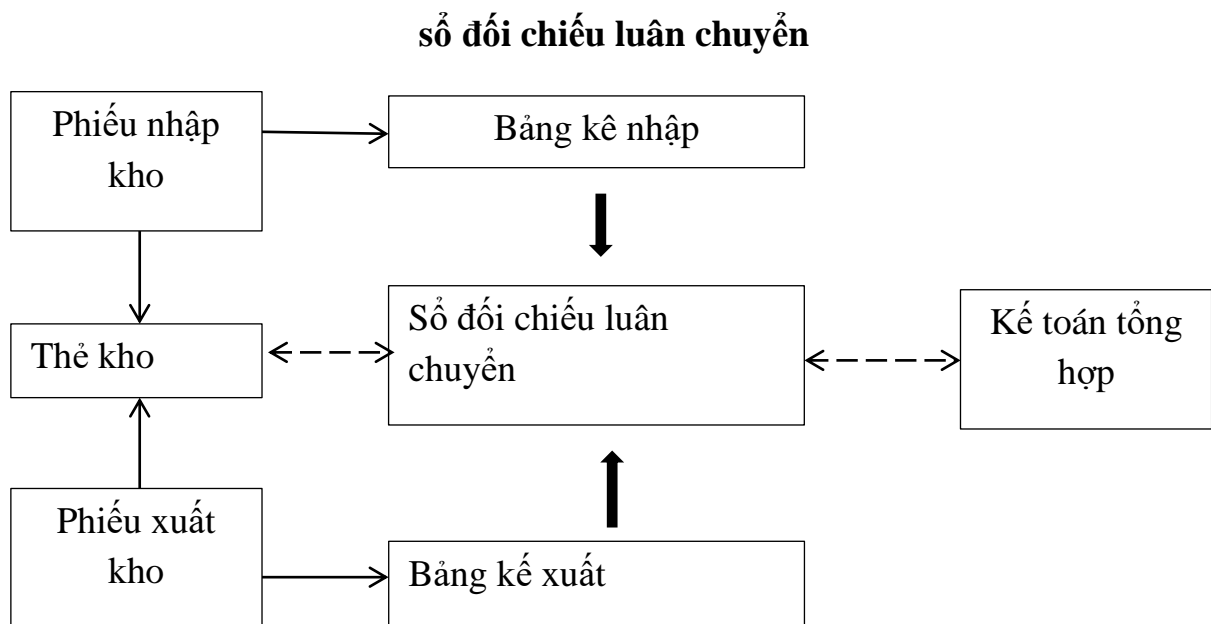
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ: —————→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ←-----→

1.2.1.3 Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- Tại kho: Thủ kho vẫn sử dụng các thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn của các loại hàng hóa về mặt số lượng.
- Phòng kế toán: Để theo dõi từng loại hàng hóa nhập, xuất về số lượng và giá trị, kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển. Đặc điểm ghi chép là chỉ ghi chép một lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập, xuất, tồn trong tháng và mỗi danh điểm hàng hóa được ghi một dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển.
- Ưu điểm: Phương pháp đối chiếu luân chuyển đơn giản, dễ thực hiện, khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.
- Nhược điểm: Việc ghi sổ vẫn trùng lặp giữa kho và kế toán về mặt số lượng và hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán.
- Điều kiện áp dụng: Đối với những doanh nghiệp có khối lượng chủng loại vật tư, hàng hóa không quá nhiều, phù hợp với trình độ kế toán còn chưa cao.
- Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 1.3 Quá trình luân chuyển chứng từ theo phương pháp



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: →
- Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ: →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ↔

1.2.2 Kế toán tổng hợp hàng tồn kho trong doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ

Bao gồm hai phương pháp:

- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên
 - + Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - + Tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp
- Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ
 - + Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
 - + Tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Trong 4 phương pháp kế toán hàng tồn kho và tính thuế GTGT như đã nêu. Thực tế thì trong các doanh nghiệp hiện nay chỉ chủ yếu sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được dùng tương đối phổ biến.

1.2.2.1 Kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

a. Đặc điểm của phương pháp

- Phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX) là phương pháp theo dõi và phản ánh thường xuyên, liên tục, có hệ thống tình hình nhập, xuất, tồn hàng hóa trên sổ kế toán.

- Khi doanh nghiệp áp dụng việc hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thì có các tài khoản kế toán hàng tồn kho được dùng để phản ánh sự hiện có, tình hình biến động tăng, giảm hàng hóa. Do vậy, giá trị hàng hóa tồn kho trên sổ sách kế toán có thể xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

- Công thức tính giá hàng tồn kho

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{HTK cuối} & & \text{HTK đầu} & & \text{hàng nhập} & & \text{xuất bán} \\ \text{kỳ} & = & \text{kỳ} & + & \text{trong kỳ} & - & \text{trong kỳ} \end{array}$$

b. Kế toán công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ là những tư liệu lao động không đủ tiêu chuẩn quy định để xếp vào tài sản cố định. Tuy nó được xếp vào hàng tồn kho, được quản lý và hạch toán giống như nguyên vật liệu nhưng thực tế công cụ dụng cụ lại có đặc điểm giống với tài sản cố định.

Theo phương thức sử dụng công cụ dụng cụ chia làm 3 loại:

- Công cụ dụng cụ thường xuyên cho quá trình sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Là bao bì luân chuyển sử dụng nhiều lần để bao gói hàng hóa bán ra. Sau mỗi lần sử dụng bao bì luân chuyển sẽ được thu hồi để phục vụ cho những lần sau.

- Đồ dung cho thuê: Là những công cụ dụng cụ sử dụng cho hoạt động cho thuê.

❖ Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 153: Công cụ dụng cụ
- Kết cấu và nội dung phản ánh

- Bên nợ:

+ Giá trị thực tế của công cụ dụng cụ nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, nhận vốn góp...

+ Giá trị công cụ dụng cụ phát hiện thừa khi kiểm kê

+ Nhận lại công cụ dụng cụ cho thuê trước đây

+ Kết chuyển giá trị thực tế công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ

- Bên có:

+ Giá trị thực tế công cụ dụng cụ xuất kho sử dụng cho sản xuất kinh doanh, đem góp vốn, cho thuê

+ Giá trị công cụ dụng cụ phát hiện thiếu khi kiểm kê

+ Công cụ dụng cụ được giảm giá, chiết khấu, trả lại cho nhà cung cấp

+ Kết chuyển giá trị thực tế công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ

- Số dư Nợ: Ghi nhận giá trị thực tế công cụ dụng cụ tồn kho

- Phương pháp hạch toán công cụ dụng cụ

Các phương pháp phân bổ

- Phương pháp phân bổ 1 lần: Kế toán phân bổ toàn bộ giá trị của công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất kinh doanh của cùng kỳ sản xuất. Tuy nhiên phương pháp này chỉ nên sử dụng trong trường hợp giá trị công cụ dụng cụ xuất dụng nhỏ hoặc thời gian sử dụng ngắn.

- Phương pháp phân bổ 50%: Kế toán phân bổ 50% giá trị công cụ dụng cụ vào chi phí của kỳ xuất dùng. 50% còn lại kế toán sẽ phân bổ vào kỳ mà bộ phận sử dụng bảo hỏng công cụ dụng cụ.

- Phương pháp phân bổ dần (nhiều lần): Căn cứ vào giá trị và thời gian sử dụng hoặc số lần sử dụng dự kiến kế toán tính ra mức phân bổ cho một kỳ hoặc một lần sử dụng.

Mức phân bổ giá trị

CCDC trong 1 kỳ (1

lần sử dụng)

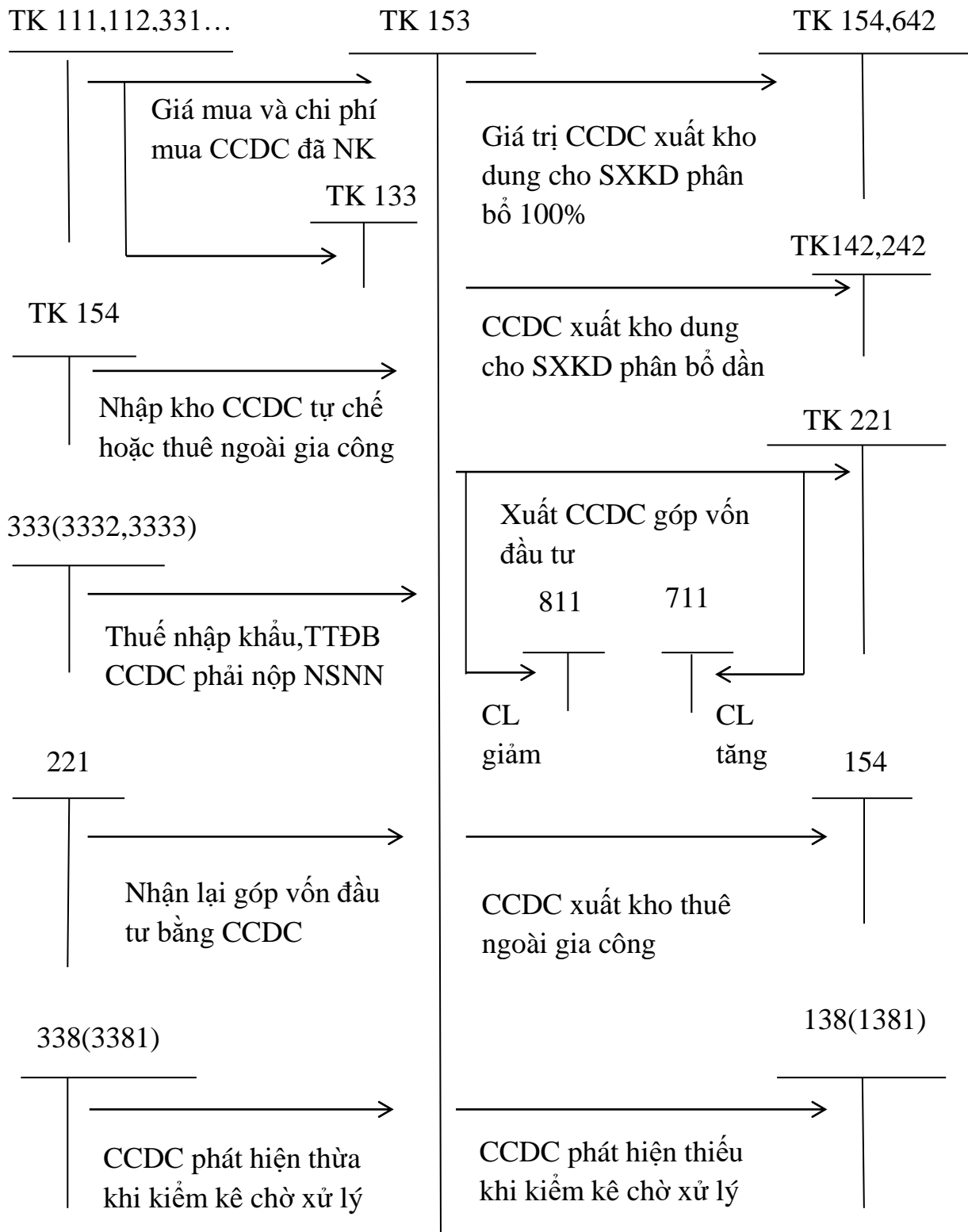
=

Giá trị CCDC xuất dùng

—————
Số kỳ hoặc số lần sử dụng

Sơ đồ 1.4 **Hạch toán công cụ dụng cụ theo phương pháp**

kê khai thường xuyên



Trong các doanh nghiệp thương mại, vốn hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn nhất và các nghiệp vụ kinh doanh hàng hóa là nghiệp vụ phát sinh thường xuyên, khối lượng công việc lớn. Vì vậy cần phải tổ chức tốt công tác kế toán lưu chuyển hàng hóa.

- Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 156: Hàng hóa. Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng giảm hàng hóa tại các kho hàng, quầy hàng...

- Số dư bên Nợ: Trị giá của hàng hóa tồn kho, chi phí thu mua hàng hóa tồn kho

- Bên nợ:

- + Trị giá mua hàng hóa theo hóa đơn mua hàng

- + Chi phí mua hàng hóa, trị giá hàng hóa thuê ngoài gia công

- + Trị giá hàng hóa đã bán bị người mua trả lại

- + Trị giá hàng hóa phát hiện thừa kho kiểm kê

- + Kết chuyển giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

- Bên có:

- + Trị giá hàng hóa xuất kho để bán

- + Chi phí mua phân bổ cho hàng hóa trong kỳ

- + Chiết khấu thương mại hàng mua được hưởng, các khoản giảm trừ hàng

mua được hưởng

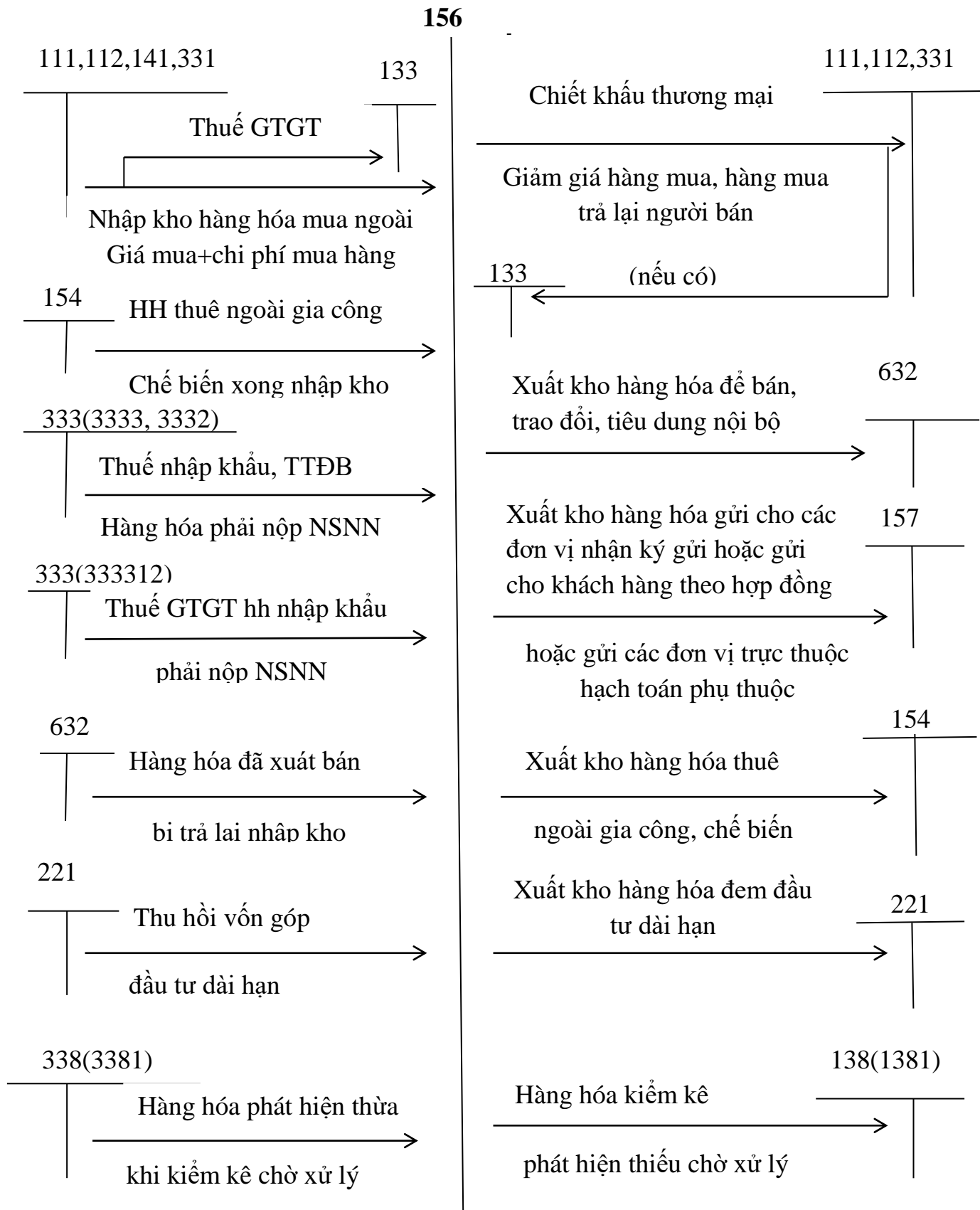
- + Trị giá hàng hóa trả lại cho người bán

- + Trị giá hàng hóa phát hiện thiếu khi kiểm kê

- + Kết chuyển hàng hóa tồn kho đầu kỳ

- Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5 Hạch toán hàng hóa theo phương pháp kê khai thường xuyên



d. Kế toán hàng gửi đi bán

Hàng gửi đi bán là sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ theo phương thức chuyển cho khách hàng chờ chấp nhận thanh toán theo hợp đồng mua bán, hoặc nhờ bán đại lý, ký gửi, dịch vụ đã hoàn thành bàn giao lại chi người đặt hàng, người mua hàng chưa được chấp nhận thanh toán. Số hàng hóa, sản phẩm này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.

- Tài khoản sử dụng

Tài khoản 157: Hàng gửi đi bán

Kết cấu, nội dung phản ánh:

- Bên nợ:

+ Trị giá hàng hóa đã gửi cho khách hàng, đại lý, ký gửi, gửi cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc.

+ Trị giá dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa xác định được là bán.

+ Kết chuyển trị giá hàng gửi đi bán cuối kỳ

- Bên có:

+ Trị giá hàng gửi đi bán, dịch vụ cung cấp đã được xác nhận đã bán

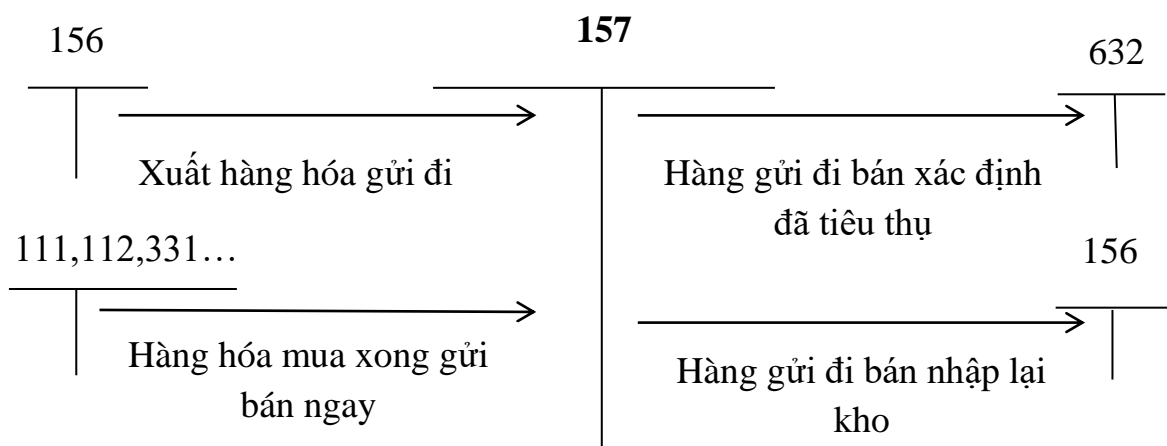
+ Trị giá hàng gửi đi bán bị trả lại

+ Kết chuyển trị giá hàng gửi đi bán chưa xác định đã bán ở đầu kỳ

- Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hóa đã gửi đi chưa được xác định là đã bán trong kỳ

- Phương pháp hạch toán hàng gửi đi bán

Sơ đồ 1.6 Hạch toán tổng hợp hàng gửi đi bán



1.2.2.2 Kế toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

a. Đặc điểm của phương pháp

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp hạch toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ của hàng hóa trên sổ kế toán tổng hợp và từ đó tính giá trị của hàng đã xuất trong kỳ.

- Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của hàng tồn kho nói chung (hàng hóa nói riêng) không phản ánh trên tài khoản nhóm 15 (hay TK 156). Trị giá của hàng hóa mua và nhập kho trong kỳ trước được theo dõi phản ánh trên TK 611 “Mua hàng”

- Khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ các tài khoản kế toán hàng tồn kho chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán (để kết chuyển số dư đầu kỳ) và cuối kỳ kế toán (để phản ánh giá trị thực tế hàng tồn kho cuối kỳ)

- Phương pháp kiểm kê định kỳ thường được áp dụng ở các đơn vị có nhiều chủng loại hàng hóa với mẫu mã rất khác nhau, giá trị thấp, tình hình nhập xuất liên tục, thường xuyên.

- Phương pháp này đơn giản, giảm nhẹ được khối lượng ghi chép kế toán nhưng độ chính xác về giá trị hàng hóa xuất kho bị ảnh hưởng của chất lượng, công tác quản lý tại kho quây, bến bãi.

- Công thức tính:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Tổng trị} & & \text{Trị giá} \\ \text{hàng} & & \text{hàng tồn} & & \text{giá hàng} & & \text{hàng tồn} \\ \text{xuất} & = & \text{kho đầu} & + & \text{nhập kho} & - & \text{kho cuối} \\ \text{kho} & & \text{kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{kỳ} \\ \text{trong kỳ} & & & & & & \end{array}$$

b. Kế toán công cụ dụng cụ

- Tài khoản 611: “Mua hàng”:

Tài khoản này dùng để đánh giá thực tế của số vật tư hàng hoá mua vào và xuất dùng trong kỳ.

- Kết cấu, nội dung phản ánh
- Bên nợ:

+ Kết chuyển giá vật tư, hàng hoá, công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ.

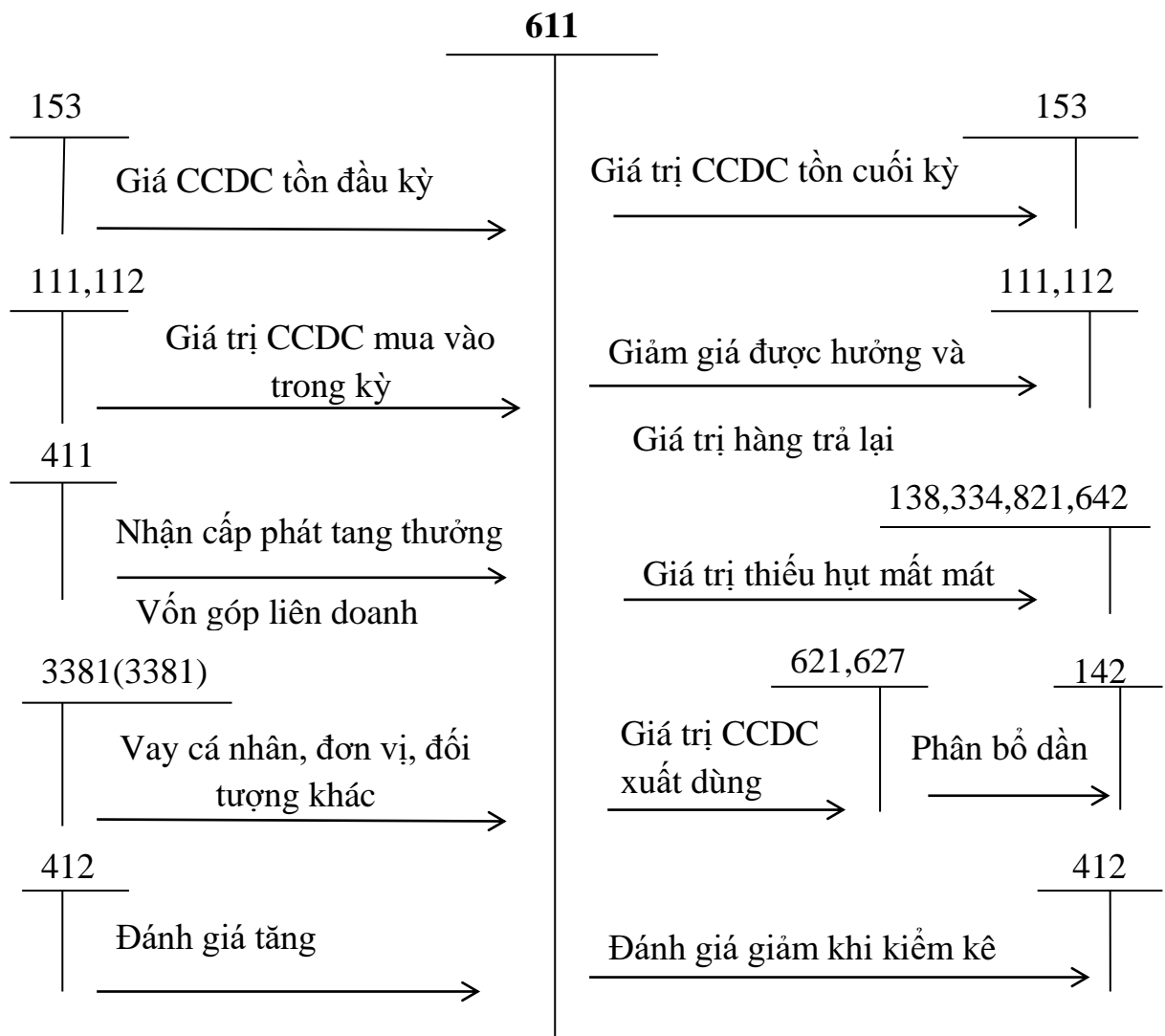
+ Giá thực tế vật tư hàng hoá mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán bị trả lại...

Bên có:

- + Kết chuyển giá thực tế vật tư, hàng hoá, công cụ dụng cụ kiểm kê lúc cuối kỳ.
 - + Giá thực tế vật tư hàng hoá xuất trong kỳ, giá thực tế hàng xuất bán (chưa xác định đã bán).
 - + Giá thực tế công cụ dụng cụ, hàng hóa mua vào trả cho người bán hoặc được giảm giá.
 - + Giá thực tế hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ trong kỳ.
 - Hàng mua giảm giá, trả lại tài khoản 611 không có số dư
 - + TK 611: Mua hàng hoá. Ngoài ra kế toán cũng sử dụng các tài khoản liên quan khác như phương pháp kê khai thường xuyên.
- Tài khoản này cuối kỳ không có số dư.

- Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.7 Hạch toán công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ



c. Kế toán hàng hóa

- Tài khoản 611: “Mua hàng”

Tài khoản 611: “Mua hàng hóa”

Tài khoản này được sử dụng để hạch toán biến động hàng hóa kỳ báo cáo.

- Nguyên tắc hạch toán quá trình luân chuyển trên TK611 được quy định:

+ Hàng hóa mua nhập kho vào theo các mục đích nhập đều căn cứ vào chứng từ để ghi cập nhật vào TK611

+ Hàng xuất cho các mục đích được ghi 1 lần vào cuối kỳ theo kết quả kiểm kê đánh giá hàng tồn kho. Hàng tồn kiểm kê sẽ được tính giá theo phương pháp thích hợp được lựa chọn áp dụng tại đơn vị hạch toán trên cơ sở quy định chung.

- Kết cấu, nội dung phản ánh

- Bên nợ:

+ Trị giá vốn thực tế hàng hóa nhập mua và nhập khác trong kỳ.

+ Trị giá vốn hàng hóa tồn đầu kỳ kết chuyển (tồn kho, tồn quầy, tồn đại lý, tồn gửi bán cho khách hàng...)

- Bên có:

+ Trị giá vốn thực tế của hàng hóa tồn cuối kỳ

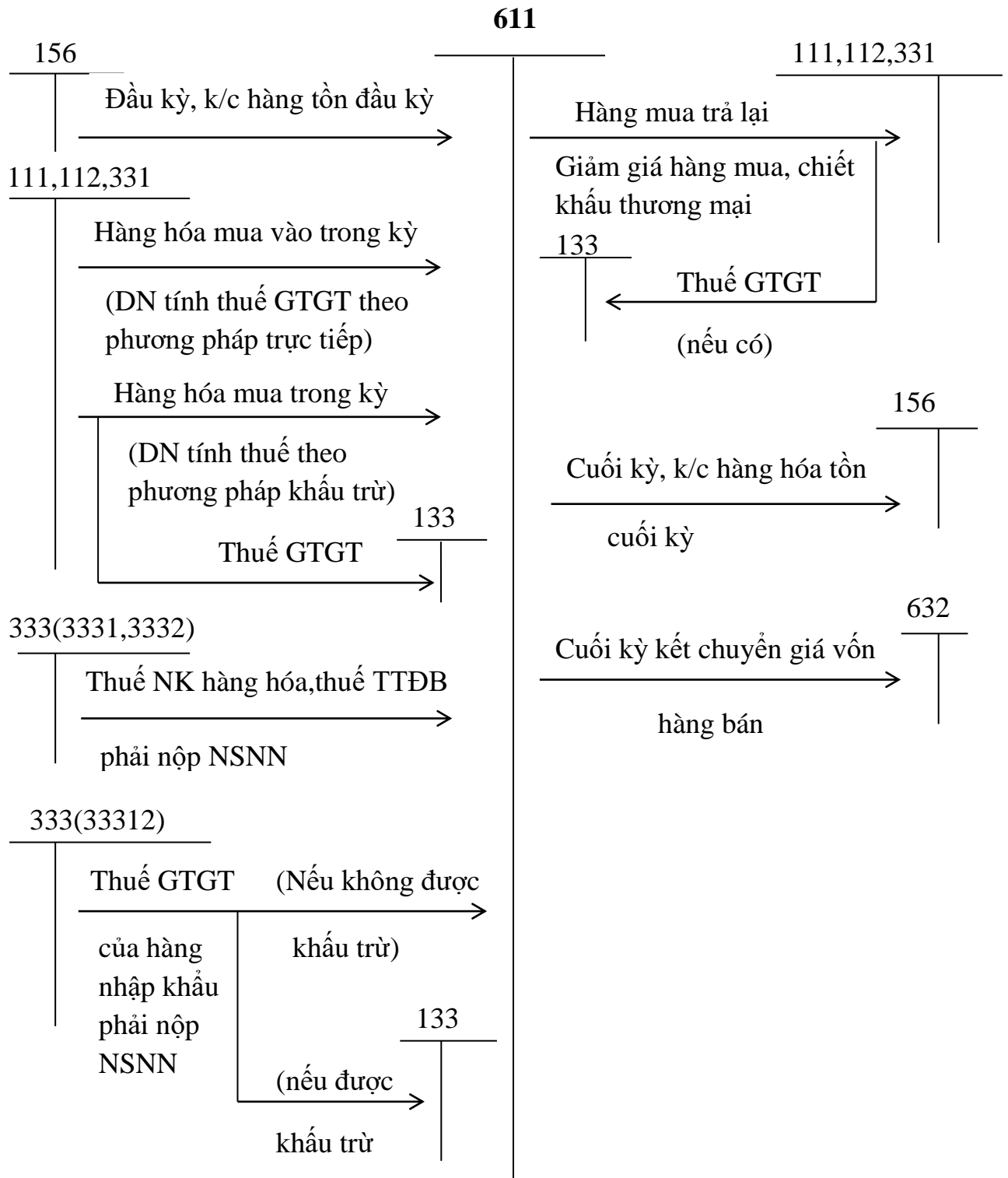
+ Giảm giá hàng mua, chiết khấu thương mại được hưởng

+ Trị giá vốn thực tế của số hàng hóa xuất bán và xuất khác trong kỳ

Tài khoản này cuối kỳ không có số dư.

- Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.8 Hạch toán hàng hóa theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

a. Khái niệm

Dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh do giảm giá hàng tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do hàng hóa tồn kho bị giảm giá, đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thực tế thuần túy hàng tồn kho trong doanh nghiệp, nhằm đưa ra một giá trị thực về tài sản của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán hạch toán.

Giá trị thuần của hàng hóa được xác định trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp là giá trị điều chỉnh giữa trị giá tồn kho thực tế, trên sổ kế toán và trị giá dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ hạch toán.

b. Thời điểm lập

Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện ở thời điểm khóa sổ kế toán, để lập báo cáo tài chính năm.

c. Đối tượng

- Hàng hóa tồn kho để bán mà giá trị trên thực tế nhỏ hơn giá trị đang hạch toán trên sổ kế toán.

d. Điều kiện

- Hàng hóa tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá trị thị trường nhỏ hơn giá ghi sổ kế toán.
- Hàng hóa là mặt hàng kinh doanh thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp
- Có chứng từ, hóa đơn hợp lý, hợp lệ hoặc các chứng từ khác chứng minh giá vốn hàng hóa tồn kho.

e. Phương pháp xác định mức dự phòng

Căn cứ vào tình hình giảm giá, số lượng tồn kho thực tế của hàng hóa để xác định mức dự phòng:

Mức dự phòng giảm giá cho năm kế hoạch	=	Lượng hàng hóa tài sản giảm giá tại thời điểm năm báo cáo	x		Giá hạch toán trên sổ kế toán	-	Giá thực tế trên thị trường	
--	---	---	---	--	-------------------------------	---	-----------------------------	--

Giá thực tế trên thị trường của hàng hóa bị giảm giá tại thời điểm 31/12 là giá mua có thể mua bán được trên thị trường.

Việc lập dự phòng phải tiến hành riêng cho từng loại hàng hóa bị giảm giá và tổng hợp bảng kê chi tiết khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho của doanh nghiệp. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

f. Hoàn nhập dự phòng

- Tài khoản sử dụng là tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”
- Kết cấu, nội dung phản ánh
- Bên nợ: Hoàn nhập dự phòng toàn bộ số dự phòng đã lập
- Bên có: Mức dự phòng giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán
- Số dư Có: Mức dự phòng giá hàng tồn kho lập cho năm sau
- Phương pháp hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch như sau:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải được lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng đã được lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì kế toán phản ánh số chênh lệch như sau:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

1.3 Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán hàng tồn kho trong doanh nghiệp

1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung

1.3.1.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung

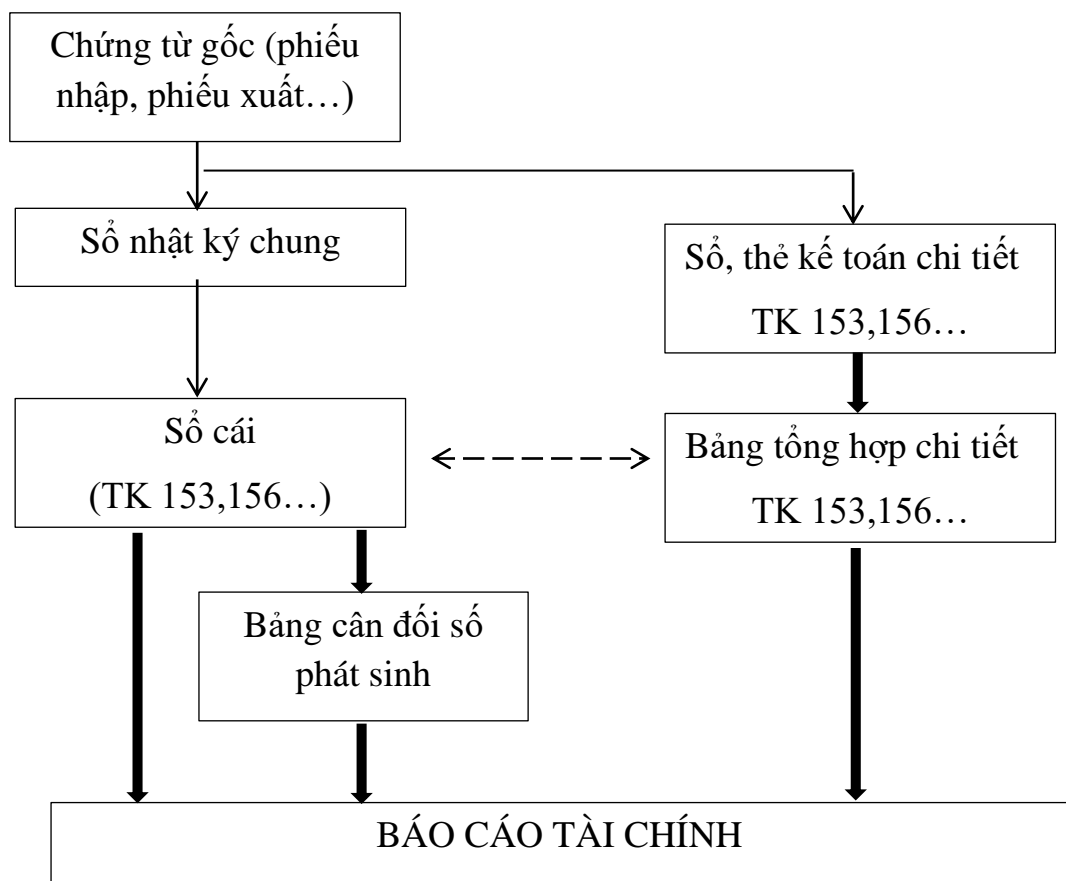
- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ Cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- Ưu điểm
 - + Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện. Thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán
 - + Được dùng phổ biến. Thuận tiện cho việc ứng dụng tin học và sử dụng máy vi tính trong công tác kế toán
 - + Có thể tiến hành kiểm tra đối chiếu ở mọi thời điểm trên Sổ Nhật ký chung. Cung cấp thông tin kịp thời.
- Nhược điểm: Lượng ghi chép nhiều.

1.3.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung

Sơ đồ 1.9 Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ← - - - - - →

a. Công việc hàng ngày:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

+ Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

b. Công việc cuối tháng, quý, năm:

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

- Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

1.3.2 Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái

1.3.2.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký – sổ cái

- Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

+ Nhật ký - Sổ Cái;

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

- Ưu điểm

+ Số lượng sổ ít, mẫu sổ đơn giản dễ ghi chép.

+ Việc kiểm tra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ

Tổng hợp Nhật ký – sổ cái

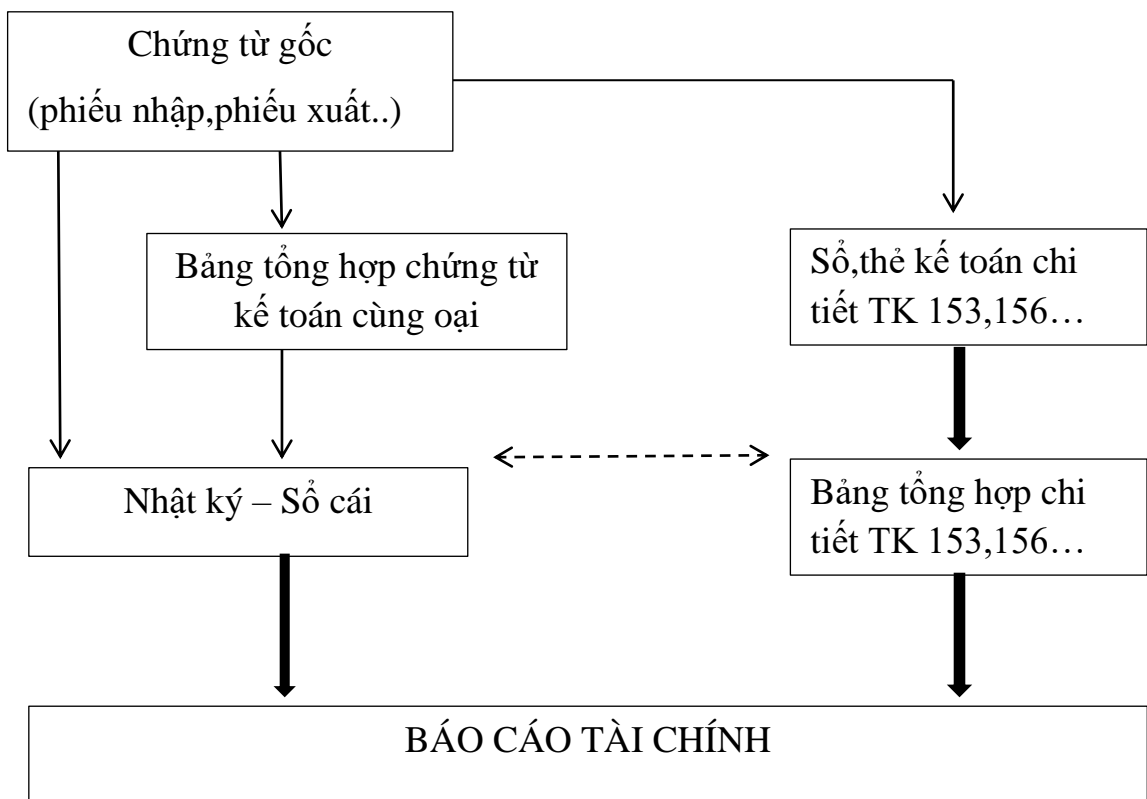
- Nhược điểm

+ Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán (chỉ có duy nhất 1 sổ tổng hợp – Nhật ký sổ cái)

+ Khó thực hiện đối với DN có quy mô vừa và lớn, phát sinh nhiều tài khoản.

1.3.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái

Sơ đồ 1.10 Trình tự kế toán hàng tồn kho theo hình thức Nhật ký - sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←- - - - ->

a. Công việc hàng ngày:

- Kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

- Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

b. Công việc cuối tháng:

- Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng (trong quý) kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

1.3.3 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**1.3.3.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**

- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+ Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;

+ Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

+ Chứng từ ghi sổ;

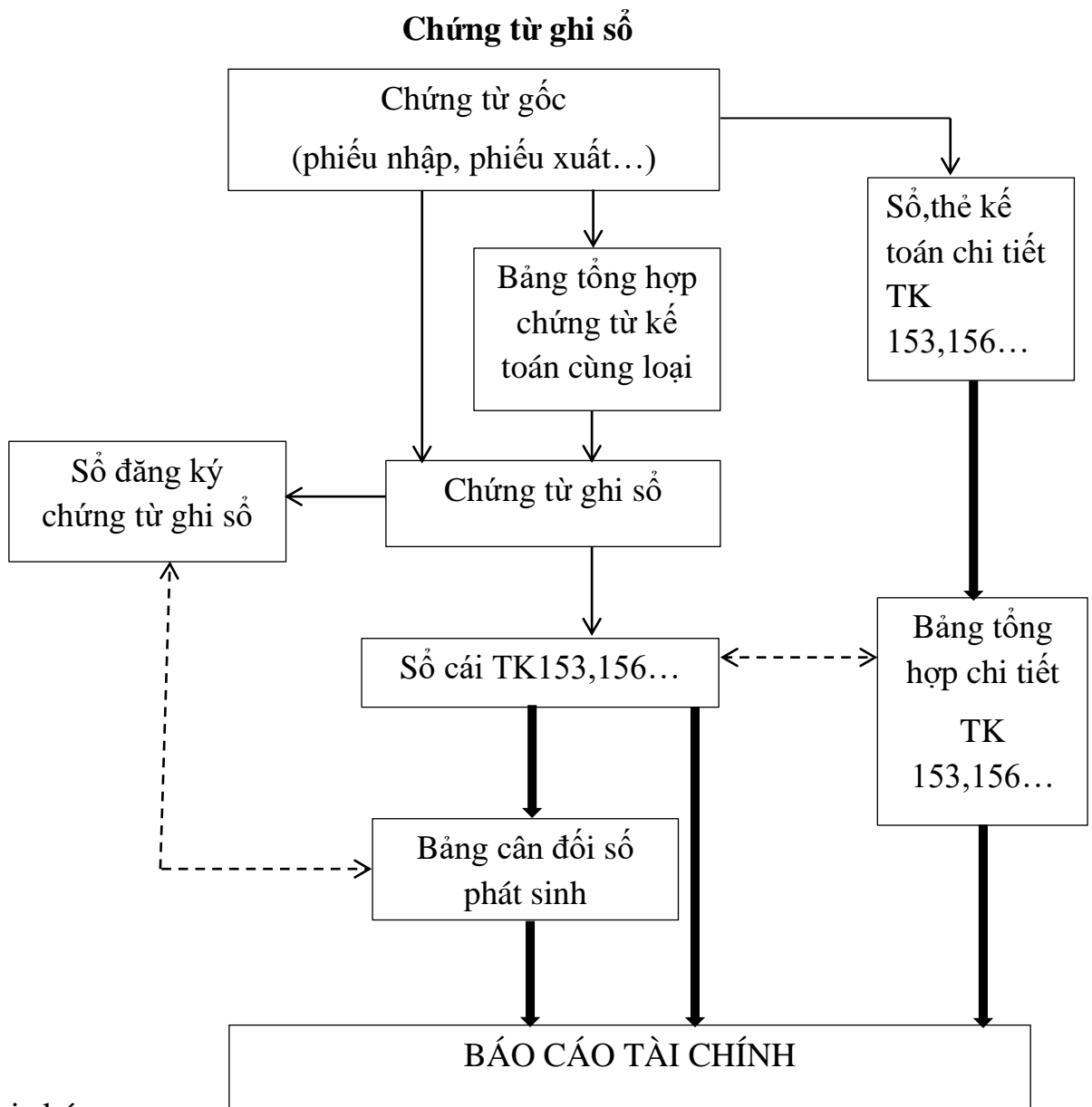
+ Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;

+ Sổ Cái;

- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán
- Nhược điểm:
 - + Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.
 - + Việc kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện vào cuối tháng, vì vậy cung cấp thông tin thường chậm.

1.3.3.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.11 Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: —————>
- Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ: —————>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <----->

a. Công việc hàng ngày

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

b. Công việc cuối tháng

- Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

c. Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính***1.3.5.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính***

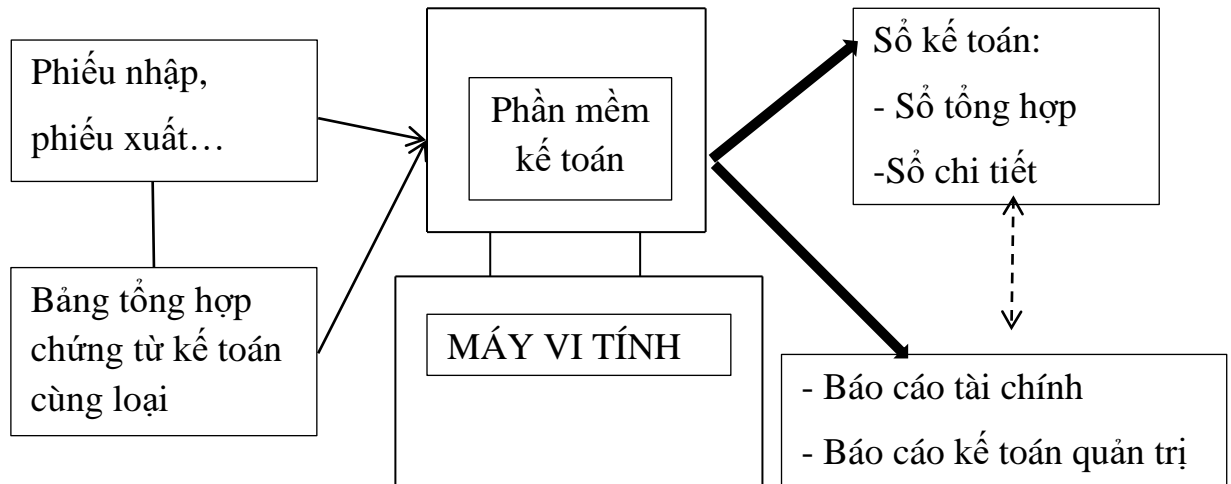
- Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

1.3.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Sơ đồ 1.12 Trình tự ghi sổ kế toán hàng tồn kho theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ: —————→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ←-----→

a. Công việc hàng ngày:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

b. Công việc cuối tháng:

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Tóm lại, giá trị hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong rất nhiều phương pháp khác nhau để tính giá trị thực xuất kho của hàng tồn kho. Chính vì vậy các nhà quản lý cần lựa chọn phương pháp phù hợp với thực tế doanh nghiệp mình để doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả.

CHƯƠNG II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH TM Chấn Phong

Giới thiệu về công ty:

- Tên công ty (bằng tiếng Việt): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG
- Tên công ty (bằng tiếng nước ngoài): CHAN PHONG TRANDING COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt: CHAN PHONG TRANDING CO.,LTD
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1A Ký Kon - Hồng Bàng - Hải Phòng.
- Số điện thoại: 0313.831.046 Fax: 0313.831.046
- Giám đốc: Bà Phạm Thu Thủy
- Email: tmchanphong.co@gmail.com
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Kinh doanh đá công nghiệp, đá dân dụng, đá mài, đá cắt, vật liệu mài, nhám cuộn, nhám vòng, nhám xếp, keo.
 - + Kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị máy công – nông nghiệp, cơ khí, khóa, thiết bị ngành may, phụ liệu may mặc.
 - + Đại lý thương mại.
 - + Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- Vốn điều lệ: 500.000.000 đồng.
- Đăng ký kinh doanh số: 0202002380, ngày 05 tháng 01 năm 2005

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH TM Chấn Phong

2.1.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Đầu tiên, tiền thân của công ty là một cửa hàng đại lý tại số 78 Tôn Đản với diện tích sử dụng là 50m² do bà Phạm Thu Thủy làm chủ cửa hàng. Bà Phạm Thu Thủy và các thành viên trong gia đình trực tiếp kinh doanh bán hàng.

Sau khi hoạt động được một thời gian, chủ cửa hàng nhận thấy cần bắt kịp hơn với xu thế phát triển của nền kinh tế và họ đã quyết định bước chuyển mình lớn để mở ra một trang mới cho cửa hàng. Nhờ có sự hỗ trợ tư vấn của Công ty tư vấn quản lý và đào tạo Lê Mạnh, bà Phạm Thu Thủy đã chuyển đổi hình thức kinh doanh, phát triển cửa hàng đại lý thành Công ty TNHH TM Chấn Phong –

Giám đốc là bà Phạm Thu Thủy. Đi đôi với sự chuyển đổi hình thức kinh doanh ấy, công ty đã mở cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, tức là: mở thêm nhiều cửa hàng, đa dạng hóa hình thức bán hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ và tìm kiếm khách hàng mục tiêu... Bên cạnh đó, công ty còn từng bước đổi mới nâng cấp tổ chức quản lý thông qua việc xây dựng nội quy công ty, đồng thời hướng dẫn, đào tạo tập huấn các cán bộ trong công ty để nâng cao trình độ lao động nhằm mục đích giúp công ty hoạt động khoa học nhất, hiệu quả cao nhất. Theo đó, cuối năm 2009, bà Thủy đã sử dụng ngôi nhà 4 tầng với diện tích 200m² vừa là cửa hàng vừa là văn phòng làm việc. Đồng thời bà sử dụng một cơ sở tại 54 Đông Hải – Hải An – Hải Phòng với diện tích 450m² dự kiến làm kho chứa hàng hóa. Cơ sở 58 Trần Nhân Tông dùng làm cơ sở số 3 (trên thực tế cửa hàng 58 Trần Nhân Tông được đưa vào sử dụng năm 2008 nhưng hoạt động được 1 tháng thì đóng cửa do bà Thủy chưa đủ khả năng quản lý nhiều cửa hàng cùng một lúc). Tuy nhiên cả 3 cơ sở : cửa hàng số 1A Ký Con, Kho 54 Đông Hải và cửa hàng số 58 Trần Nhân Tông chưa được kê khai là tài sản của Công ty TNHH TM Chấn Phong mà chỉ mới kê khai là tài sản của Giám đốc Phạm Thu Thủy. Như vậy, Giám đốc Chấn Phong đang dùng tài sản cá nhân để phục vụ cho mục đích kinh doanh của công ty. Riêng cửa hàng số 1A Ký Con được kê khai với tư cách là tài sản mà công ty thuê của giám đốc.

Sau khoảng thời gian hoạt động từ khi chuyển hình thức kinh doanh, Công ty TNHH TM Chấn Phong đã không ngừng lớn mạnh về mọi mặt. Công ty đã xây dựng các chiến lược ngắn hạn, dài hạn để từng bước đưa Chấn Phong tiến xa hơn trên thị trường. Chấn Phong luôn cố gắng nỗ lực để đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng, coi ‘Khách hàng là thượng đế’ với phương châm “Đảm bảo chất lượng – giá cả tốt nhất – dịch vụ chu đáo”. Nguồn gốc sản phẩm của công ty rộng không chỉ ở trong nước mà còn ở cả nước ngoài nhằm đáp ứng trọn vẹn nhu cầu thị trường.

Mặc dù quy mô công ty vẫn còn nhỏ nhưng Công ty TNHH TM Chấn Phong đã dần trở thành nhà phân phối chính, có uy tín các sản phẩm vật tư liên quan đến ngành nghề sản xuất đồ gỗ, cơ khí, sắt, inox trên thị trường Hải Phòng. Nó cũng đang từng bước đẩy mạnh mở rộng kinh doanh để đưa công ty trở thành công ty lớn có sức ảnh hưởng với thị trường toàn miền Bắc.

2.1.1.2 Những thuận lợi khó khăn của công ty

a. Thuận lợi

- Qua quá trình hình thành và phát triển đến nay, công ty đã đạt được những thành tích nhất định trong công tác kinh doanh, cũng như nó đã tạo dựng được thương hiệu góp phần nâng cao vị thế của công ty trên thị trường. Đi kèm với đó, đất nước chúng ta đang trên đà phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội, nhà nước đang đẩy mạnh công cuộc xây dựng cơ sở hạ tầng. Chính điều này đã tạo điều kiện tất yếu và là đòn bẩy cho công ty phát triển lớn mạnh hơn.
- Vị trí địa lý công ty nằm ngay trung tâm thành phố trong khu chợ đầu mối, tạo điều kiện tốt cho việc kinh doanh.
- Công ty cũng dần xây dựng được hình ảnh trong khách hàng, nhận được nhiều sự ủng hộ tin tưởng của khách hàng. Cùng ngày, công ty càng có thêm nhiều khách hàng quen thường xuyên sử dụng dịch vụ. Đầu vào và đầu ra được thiết lập một cách chặt chẽ nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho tất cả các bên.
- Thông qua quá trình hoạt động công ty đã đúc rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu từ thực tiễn nền kinh tế để từ đó làm tư liệu cho quá trình kinh doanh sau này.
- Giám đốc là một người có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tìm tòi và học hỏi thêm kinh nghiệm để điều hành công ty một cách khoa học nhất, hiệu quả nhất. Bên cạnh đó bà còn trú trọng đào tạo tập huấn nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên nhằm giúp công ty hoạt động một cách có hiệu quả nhất.

b. Khó khăn

- Về quản lý:
Do quy mô công ty còn nhỏ, chưa có bộ máy tổ chức bài bản giống như những công ty lớn nên chưa phân công rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho nhân viên dẫn đến việc giám đốc kiêm nhiệm quá nhiều công việc.
- Về lao động:
 - + Việc tuyển dụng lao động mới còn gặp nhiều khó khăn và khả năng gắn bó của lao động với công ty chưa cao.
 - + Trình độ lao động còn hạn chế, công ty cần phải thường xuyên tổ chức đào tạo tập huấn để nâng trình độ cho đội ngũ nhân viên.

- Về địa lý đặc thù: Tuy địa điểm rất thuận lợi kinh doanh, công ty nằm ngay khu trung tâm chợ Sắt nhưng bên cạnh đó không tránh khỏi có nhiều đối thủ cạnh tranh.

2.1.2 Đặc điểm về lao động của công ty

Tình hình nhân sự hiện tại của công ty TNHH TM Chấn Phong như sau:

- Số lượng nhân sự: 8 người

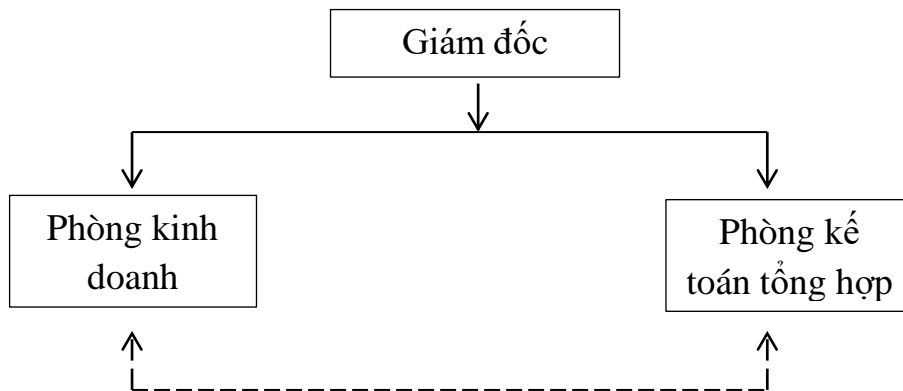
Stt	Họ tên	Chức vụ, công việc chính	Hình thức hoạt động	Trình độ	Độ tuổi
1	Phạm Thu Thủy	-Giám đốc -Quản lý mọi hoạt động của công ty -Bán hàng, thu tiền hàng...		Hoàn thành khóa học lớp Kỹ năng quản lý trong doanh nghiệp	36
2	Hoàng Đức Long	-Hỗ trợ giám đốc -Lái xe, giao hàng, bán hàng, nhập hàng...	Lao động chính thức	Hoàn thành khóa học lớp Kỹ năng quản lý trong doanh nghiệp	38
3	Bùi Thị Ngát	-Nhân viên bán hàng chính tại số 1 Ký Con	Lao động chính thức	Cử nhân	25
4	Nguyễn Hồng Anh	-Nhân viên kế toán -Bán hàng	Lao động chính thức	Cử nhân	28
5	Phạm Thị Nga	-Bán hàng chính tại 78 Tôn Đản	Lao động chính thức		41
6	Bùi Văn Ninh	-Phụ bán hàng tại 78 Tôn Đản	Lao động thời vụ	Sinh viên năm cuối ĐH Hàng Hải	
7	Đặng Khắc Thiện	-Phụ bán hàng, vận chuyển hàng	Lao động thời vụ	Sinh viên năm 2 – ĐH Hàng Hải	
8	Nguyễn Văn Đạt	-Phụ bán hàng, vận chuyển hàng	Lao động thời vụ	Sinh viên năm 2 – ĐH Hàng Hải	

2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH TM Chấn Phong

Trong thời gian qua, cùng với sự giúp đỡ của công ty TNHH tư vấn quản lý và đào tạo Lê Mạnh thì công ty đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức.

Như tiêu chí đã đưa ra là: Gọn nhẹ, hiệu quả, đảm bảo lợi ích kinh tế thì sơ đồ cơ cấu tổ chức công ty như sau:

Sơ đồ 2.1 Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH TM Chấn Phong



Ghi chú:

Quan hệ trực tuyến: —————>

Quan hệ chức năng: - - - - ->

Trong đó:

❖ Phòng kinh doanh

- 01 Trưởng phòng kinh doanh do ông Hoàng Đức Long đảm nhiệm.

- Bộ phận bán hàng theo tuyến: Gồm 3 nhân viên

+ Ông Hoàng Đức Long: Trưởng bộ phận bán hàng theo tuyến, chịu trách nhiệm về công tác bán hàng theo tuyến đường, kiêm nhiệm công tác tại kho.

+ 2 Nhân viên phụ bán hàng theo tuyến và vận chuyển hàng hóa.

- Bán hàng tại cửa hàng Số 1 Ký Con: Gồm 3 nhân viên bán hàng. Hiện tại đã có nhân viên Bùi Thị Ngát làm nhân viên chính thức.

- Bán hàng tại cửa hàng Số 78 Tôn Đản: Gồm 3 nhân viên. Hiện tại có bà Phạm Thúy Nga làm cửa hàng trưởng kiêm thực hiện các nghiệp vụ thu chi quản lý tại cửa hàng và 2 nhân viên lao động thời vụ.

❖ Phòng kế toán tổng hợp

- Phòng kế toán tổng hợp có 2 nhân viên: Trong đó 1 nhân viên chịu trách nhiệm chính về công tác tổng hợp, 1 nhân viên chịu trách nhiệm về công tác tổ chức hành chính kiêm thủ quỹ.

2.1.4 Tình hình tài chính của công ty TNHH TM Chấn Phong

❖ Tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp trong 2 năm gần đây:

CHỈ TIÊU	2014	2015
TÀI SẢN		
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	2,220,039,166	1,888,683,020
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	23,623,969	30,327,580
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	160,135,202	130,268,907
IV. Hàng tồn kho	1,878,079,773	1,568,078,634
V. Tài sản ngắn hạn khác	158,200,222	160,007,899
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	2,122,015,757	2,743,881,176
I. Tài sản cố định	2,117,606,413	2,735,880,596
II. Bất động sản đầu tư	0	0
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
IV. Tài sản dài hạn khác	4,409,344	8,000,580
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4,342,054,923	4,632,564,196
NGUỒN VỐN		
A - NỢ PHẢI TRẢ	1,885,185,673	2,072,979,840
I. Nợ ngắn hạn	885,185,673	1,092,979,840
II. Nợ dài hạn	1,000,000,000	980,000,000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	2,456,869,250	2,559,584,356
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4,342,054,923	4,632,564,196

❖ Phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp:

CHỈ TIÊU	2014	2015	Tỷ trọng		Chênh lệch	
			2014	2015	Tiền	Tỷ lệ
TÀI SẢN						
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	2,220,039,166	1,888,683,020	51.13%	40.76%	(331,356,146)	(10.37%)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	23,623,969	30,327,580	0.54%	0.65%	6,703,611	0.11%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0%	0%	-	0.00%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	160,135,202	130,268,907	3.69%	3%	(29,866,295)	(0.88%)
IV. Hàng tồn kho	1,878,079,773	1,568,078,634	43.25%	33.85%	(310,001,139)	(9.40%)
V. Tài sản ngắn hạn khác	158,200,222	160,007,899	3.64%	3.45%	1,807,677	(0.19%)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	2,122,015,757	2,743,881,176	48.87%	59.24%	621,865,419	10.37%
I. Tài sản cố định	2,117,606,413	2,735,880,596	48.77%	59.06%	618,274,183	10.29%
II. Bất động sản đầu tư	0	0	0%	0%	-	0%
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0%	0%	-	0%
IV. Tài sản dài hạn khác	4,409,344	8,000,580	0.10%	0.18%	3,591,236	0.08%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4,342,054,923	4,632,564,196	100%	100%	290,509,273	

Từ bảng trên ta thấy, tổng tài sản năm 2015 so với năm 2014 của Công ty TNHH TM Chấn Phong tăng 290,509,273 triệu đồng. Tuy nhiên để đánh giá chính xác tình hình tài chính của doanh nghiệp là cần đi sâu phân tích các từng chỉ tiêu:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền của doanh nghiệp năm 2014 tăng so với năm 2015 là 6.703.611 triệu đồng tương đương với 0,11% điều này cho thấy doanh nghiệp đang tăng dự trữ tài sản ngắn hạn an toàn.
- Các khoản phải thu ngắn hạn: Thứ tế đây là các khoản mà doanh nghiệp khi bán hàng cho khách hàng nợ lại chờ kết thúc hợp đồng thanh toán, hoặc các khách hàng quen gói nợ, hay nói cách khác nó là đồng vốn của doanh nghiệp bị các khách hàng chiếm dụng. Các khoản phải thu của doanh nghiệp năm 2015 so với năm 2014 giảm 29,866,295 triệu đồng. Điều này chứng tỏ số vốn bị ứ đọng đang có chiều hướng giảm.
- Hàng tồn kho: Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng tài sản ngắn hạn. Hàng tồn kho năm 2015 giảm so với năm 2014 là 310,001,139 triệu đồng tương đương 9,4%. Đối với các doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp thương mại việc tồn kho hàng hóa nhiều là mối quan tâm đặc biệt của doanh nghiệp. Nếu hàng tồn kho lớn, ứ đọng lâu dẫn đến phát sinh nhiều chi phí kho bãi, bảo vệ... hơn nữa nếu tồn quá lâu sẽ ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp không dự trữ đủ hàng tồn kho thì cũng là một rủi ro vì có thể mất các đơn hàng tiềm năng do không đủ hàng hóa cung cấp hoặc nếu giá cả thị trường tăng cao thì doanh nghiệp sẽ không có hàng bán ra làm mất đi một khoản doanh thu.
- Tài sản cố định: Tài sản cố định năm 2015 tăng so với năm 2014 là 618,274,183 triệu đồng tương đương với 10.29% đây là nguyên nhân chính làm cho tài sản của doanh nghiệp tăng so với năm 2014.
- Tài sản dài hạn khác: Bên cạnh việc tăng các loại tài sản trên thì tài sản cố định khác năm 2015 so với năm 2014 cũng tăng lên. Góp phần làm tăng tài sản của toàn doanh nghiệp.

❖ Phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn vốn của doanh nghiệp:

CHỈ TIÊU	2014	2015	Tỷ trọng		Chênh lệch	
			2014	2015	Tiền	Tỷ lệ
A - NỢ PHẢI TRẢ	1,885,185,673	2,072,979,840	43,42%	44,75%	187,794,167	1,33%
I. Nợ ngắn hạn	885,185,673	1,092,979,840	20,39%	23,60%	207,794,167	3,21%
II. Nợ dài hạn	1,000,000,000	980,000,000	23,03%	21,15%	(20,000,000)	(1,88%)
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	2,456,869,250	2,559,584,356	56,58%	55,25%	102,715,106	(1,33%)
I. Vốn chủ sở hữu	2,456,869,250	2,559,584,356	56,58%	55,25%	102,715,106	(1,33%)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2,450,000,000	2,450,000,000	56,42%	52,89%	-	(3,53%)
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6,869,250	109,584,356	0,16%	2,35%	102,715,106	2,2%
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0%	0%	-	0%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4,342,054,923	4,632,564,196	100%	100%	290,509,273	

Từ bảng tên ta thấy, nguồn vốn của công ty đã có nhiều biến động. Nguồn vốn năm 2015 tăng so với năm 2014 là 290,509,273 triệu đồng. Tuy nhiên để giúp công ty đưa ra những nhận xét cụ thể thì ta cần đi sâu vào phân tích từng chỉ tiêu:

- Nợ ngắn hạn: Các khoản nợ ngắn hạn của công ty năm 2015 tăng so với năm 2014 là 207,794,167 triệu đồng. Đây là nguyên nhân chính làm tăng khoản nợ phải trả cho doanh nghiệp.
- Nợ dài hạn: Các khoản nợ dài hạn của công ty năm 2015 giảm so với năm 2014 là 20,000,000 triệu đồng, điều này cho thấy công ty đang dần nâng khả năng thanh toán các khoản nợ dài hạn.

Các khoản nợ của công ty năm 2015 tăng so với năm 2014 là 187,794,167 triệu đồng. Điều này cho thấy công ty đang mở rộng kinh doanh. Tuy nhiên cần có những biện pháp cụ thể để nâng cao khả năng thanh toán nợ.

- Vốn chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu của công ty năm 2015 tăng lên so với năm 2014 là 102,715,106 triệu đồng điều này cho thấy công ty đang mở rộng kinh doanh.

Qua những phân tích trên ta thấy Công ty TNHH TM Chấn Phong đang từng bước phát triển đi lên điều đó cũng đồng nghĩa rằng giám đốc công ty đã quản lý lãnh đạo có hiệu quả.

- Phân tích đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Năm 2015

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	2014	2015
-1	-2	-3	-4	-5	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	IV.08	1,332,648,282	1,450,756,480
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1,332,648,282	1,450,756,480
4	Giá vốn hàng bán	11		1,112,761,315	1,118,375,620
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		219,886,967	332,380,860
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		74,205	74,205
7	Chi phí tài chính	22		0	0
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		171,878,187	222,870,709
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		48,082,985	109,584,356
10	Thu nhập khác	31		0	0
11	Chi phí khác	32		0	0
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	48,082,985	109,584,356
14	Chi phí thuế TNDN	51		1,717,312	4,799,968
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51)	60		46,365,673	104,784,388

2.1.5 Tổ chức kế toán tại công ty TNHH TM Chấn Phong

2.1.5.1 Tổ chức bộ máy kế toán

- Các phân hành kế toán của Công ty TNHH TM Chấn Phong do chị Nguyễn Thị Hồng Anh phụ trách.

- Chức năng, nhiệm vụ:

+ Thu nhập xử lý thông tin, số liệu kế toán theo đối tượng và nội dung công việc kế toán, theo chuẩn mực và chế độ kế toán

+ Ghi chép, tính toán, phản ánh số hiện có, tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn; quá trình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và tình hình sử dụng kinh phí (nếu có) của đơn vị.

+ Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch thu chi tài chính, kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi phí tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản và nguồn hình thành tài sản; phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán.

+ Cung cấp các số liệu, tài liệu cho việc điều hành hoạt động SXKD, kiểm tra và phân tích hoạt động kinh tế, tài chính phục vụ công tác lập và theo dõi thực hiện kế hoạch phục vụ công tác thống kê và thông tin kinh tế.

+ Thực hiện các dự toán thu, chi, ngân sách được giao, nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản phải nộp ngân sách theo quy định của pháp luật và hoàn thiện sổ sách kế toán nộp đúng kì hạn.

2.1.5.2 Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Công ty sử dụng Đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ để hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính.

- Hình thức kế toán: Nhật ký chung

- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp: Kê khai thường xuyên

- Tình giá trị hàng tồn kho theo phương pháp: Bình quân liên hoàn

- Tình thuế theo phương pháp: khấu trừ

- Chế độ kế toán áp dụng theo: QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

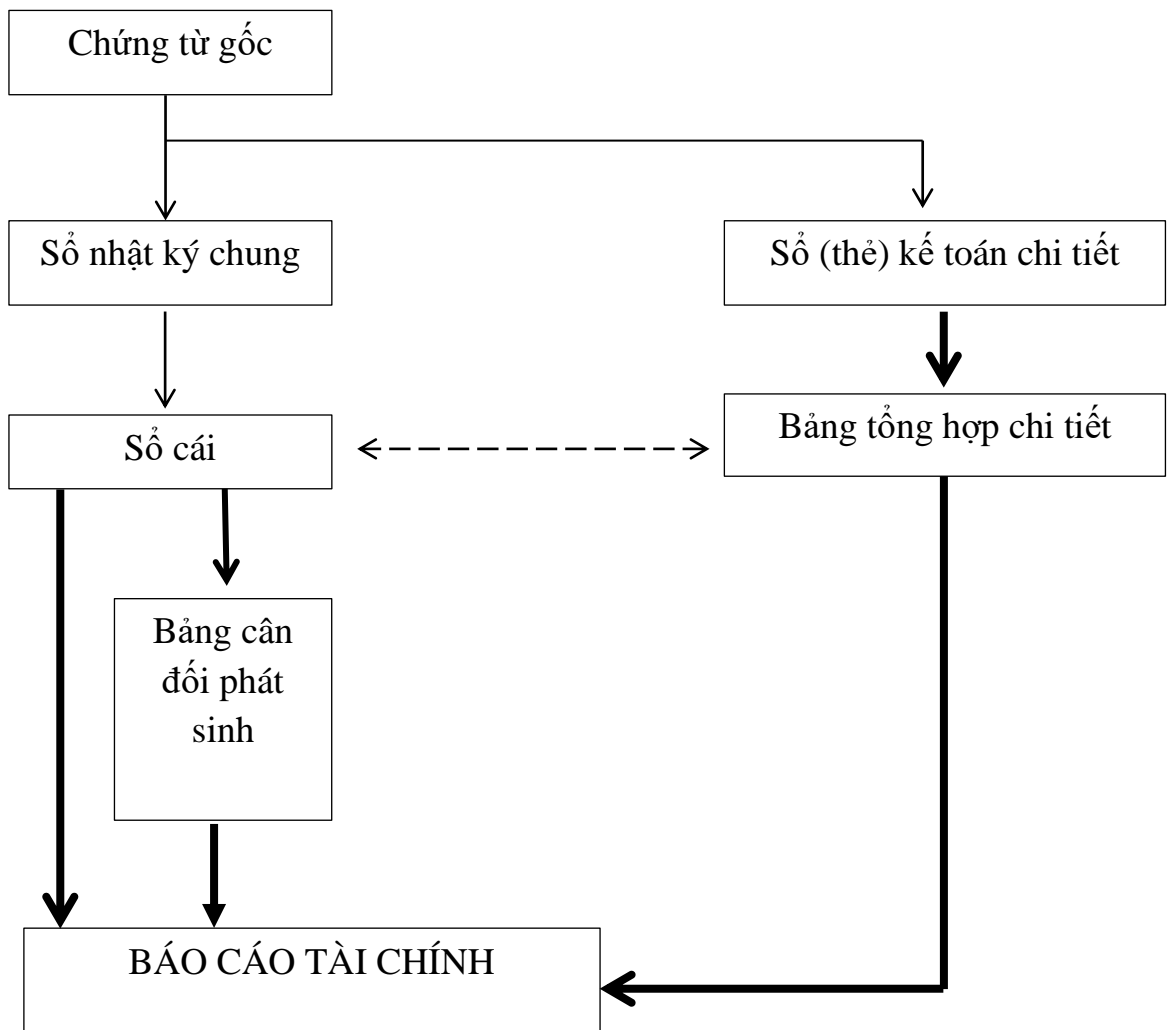
2.1.5.3 Hệ thống chứng từ tài khoản kế toán

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản theo chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC.

2.1.5.4 Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán

Công ty áp dụng hệ thống kế toán theo hình thức Nhật ký chung, rất thuận tiện, phù hợp với quy mô của công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác, kịp thời. Hệ thống tài khoản và sổ kế toán được thiết lập theo quy định phù hợp với đặc điểm của công ty gồm có: Nhật ký chung, sổ cái, các sổ thẻ chi tiết...

Sơ đồ 2.2 Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH TM Chấn Phong



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: $\leftarrow\text{-----}\rightarrow$

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc kế toán lập chứng từ hạch toán định khoản cho nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Từ chứng từ hạch toán kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ chi tiết tài khoản.

- Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái của các tài khoản liên quan.

- Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết các tài khoản kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Kế toán đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra sự chính xác của số liệu, sau đó dựa vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

- Cuối kỳ căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính. Sau đó kế toán phải phân tích các báo cáo kế toán, phân tích các chỉ tiêu kinh tế để giúp ban lãnh đạo quản lý doanh nghiệp.

- Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ nhật ký chung cùng kỳ.

2.1.5.5 Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Hệ thống Báo cáo tài chính của công ty TNHH TM Chấn Phong áp dụng theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC.

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DNN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03-DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DNN)

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Chấn Phong

2.2.1 Kế toán chi tiết hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Chấn Phong

2.2.1.1 Phân loại hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Chấn Phong

Công ty TNHH TM Chấn Phong là công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Hàng hóa được công ty mua về, nhập kho sau đó xuất bán theo hợp đồng hoặc bán lẻ tại công ty.

Hiện nay công ty kinh doanh một số sản phẩm như đá mài, đá cắt, keo, vải nhám, nhám cuộn, ráp xếp, các loại máy bắn vít, súng hơi...

Do vấn đề mặt hàng rất đa dạng đòi hỏi công ty phải đáp ứng được nhu cầu trong công tác quản lý, toán các quá trình thu mua, vận chuyển, bảo quản và

xuất hàng hóa. Tuy nhiên công ty TNHH TM Chân Phong hiện nay vẫn còn lúng túng trong công tác quản lý hàng tồn kho. Các loại hàng hóa quá nhiều nên đôi khi vẫn không kiểm soát được hết tất cả mã hàng hóa dẫn đến tình trạng sót hàng hóa.

2.2.1.2 Quy trình nhập xuất hàng tồn kho tại công ty

❖ Quy trình nhập kho hàng hóa

Đầu tiên, căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế của công ty. Phòng kinh doanh sẽ lập kế hoạch mua hàng hóa của các nhà cung cấp. Tại đây phòng kinh doanh sẽ phải xác định được danh mục hàng hóa cần mua, số lượng và lựa chọn nhà cung cấp nào đáp ứng được toàn bộ yêu cầu khi nhập hàng. Khi đã xác định xong phòng kinh doanh sẽ đưa ra kế hoạch cho giám đốc phê duyệt. Sau khi thông qua quyết định mua hàng thì Giám đốc sẽ ký kết hợp đồng với bên bán.

Hàng hóa mua về phải có Hoá đơn giá trị gia tăng và giấy báo nhận hàng. Căn cứ vào số liệu trên hóa đơn GTGT hoặc giấy nhận hàng kế toán làm phiếu nhập kho. Họ sẽ viết làm 2 liên:

- Liên 1: Lưu tại công đồng hóa đơn
- Liên 2: Thủ kho giữ để vào thẻ kho sau đó gửi lại kế toán để làm sổ sách kế toán

Trong trường hợp hàng hóa không đúng quy cách phẩm chất phải báo ngay cho phòng kế hoạch cùng bộ phận kế toán lập biên bản xử lý và phải có xác nhận của người giao hàng. Khi nhận hàng từ bên bán chỉ nhận đủ, nhận đúng số hàng đã ký kết.

- Cách tính giá hàng hóa nhập kho

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thực tế hàng} & & \text{Giá ghi trên} & & \text{Chi phí vận} & & \text{Các khoản} \\ \text{hóa nhập kho} & - & \text{hóa đơn} & + & \text{chuyển, bốc xếp} & - & \text{giảm trừ} \end{array}$$

Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

VD1: Ngày 05/01/2015 Nhập kho 5 máy khoan MT653 của Công ty TNHH An Khang đã thanh toán. Số tiền chưa có thuế là 2.625.000 Đồng (VAT 10%).

Giá thực tế của hàng hóa nhập kho là:

$$5 \times 525.000 = 2.625.000 \text{ (Đồng)}$$

VD2: Ngày 08/01/2015 Nhập kho 500 viên đá mài ba via Cn 180.6.22 của Công ty cổ phần đá mài Hải Dương đã thanh toán. Đơn giá chưa có thuế GTGT: 1 viên là 12.000(VAT 10%)

Giá thực tế của hàng hóa nhập kho là:

$$500 \times 12.000 = 6.000.000 \text{ (Đồng)}$$

❖ Quy trình xuất kho hàng hóa

Quá trình xuất kho hàng quá xảy ra khi có khách hàng đến mua hàng. Khi họ đến mua hàng thì Giám đốc sẽ là người trực tiếp ký kết hợp đồng kinh tế với khách hàng. Sau khi ký hợp đồng được chuyển đến phòng kinh doanh, căn cứ vào hợp đồng nhân viên tiến hành viết hóa đơn giá trị gia tăng và phiếu xuất kho cho khách hàng. Phòng kế toán lập phiếu xuất kho thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu tại cuống
- Liên 2: Lưu tại phòng kế toán
- Liên 3: Chuyển cho thủ kho

Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất để xuất kho hàng hóa và ghi vào thẻ kho. Thủ kho và người nhận phải ký xác nhận số hàng hóa xuất bán cho khách hàng.

- Cách tính giá xuất kho

Công ty TNHH TM Chân Phong áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn để tính giá hàng hóa xuất kho bởi vì giá cả loại hàng hóa mà doanh nghiệp kinh doanh tương đối ổn định. Hàng hóa xuất kho được tính như sau:

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn kho lần nhập thứ } i}$$

$$\text{Trị giá hàng hóa xuất bán} = \text{Đơn giá bình quân} \times \text{Số lượng từng loại hàng hóa xuất kho}$$

VD3: Ngày 06/01/2015 Bán 1 máy khoan MT653 cho Công ty TNHH Đầu tư cơ khí Thái Bình, giá xuất bán là 558.333 Đồng/Cái , đã thanh toán bằng tiền mặt.

Tồn đầu kỳ: 4 chiếc, đơn giá 600.000

Số lượng nhập trong kỳ :

- Ngày 05/01/2015 Công ty nhập kho 5 máy khoan MT653, đơn giá 525.000

Ngày 06/01/2015 Công ty xuất kho 1 máy khoan MT653 Theo phiếu xuất kho số 08/15.

Giá xuất kho của chiếc máy khoan MT653 này là:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân} &= \frac{4 \times 600.000 + 5 \times 525.000}{4+5} \\ &= 558.333 \text{ (Đồng)} \end{aligned}$$

Giá xuất 1 máy khoan MT653 là: $1 \times 558.333 = 558.333$ (Đồng)

VD4: Ngày 10/01/2015 Xuất bán 300 viên đá mài ba via Cn 180.6.22 cho Công ty TNHH sản xuất Hải Sơn. Giá xuất bán 11.091 Đồng/Viên , đã trả bằng tiền mặt.

- Tồn đầu kỳ: 5.000 viên, đơn giá 11.000

Số lượng nhập trong kỳ:

- Ngày 08/01/2015 Công ty nhập 500 viên đá mài ba via Cn 180.6.22, đơn giá 12.000.

Ngày 10/01/2015 Xuất bán 300 viên đá mài ba via Cn 180.6.22 theo phiếu xuất kho số 09/15. Giá xuất kho 300 viên đá mài ba via Cn 180.6.22 như sau:

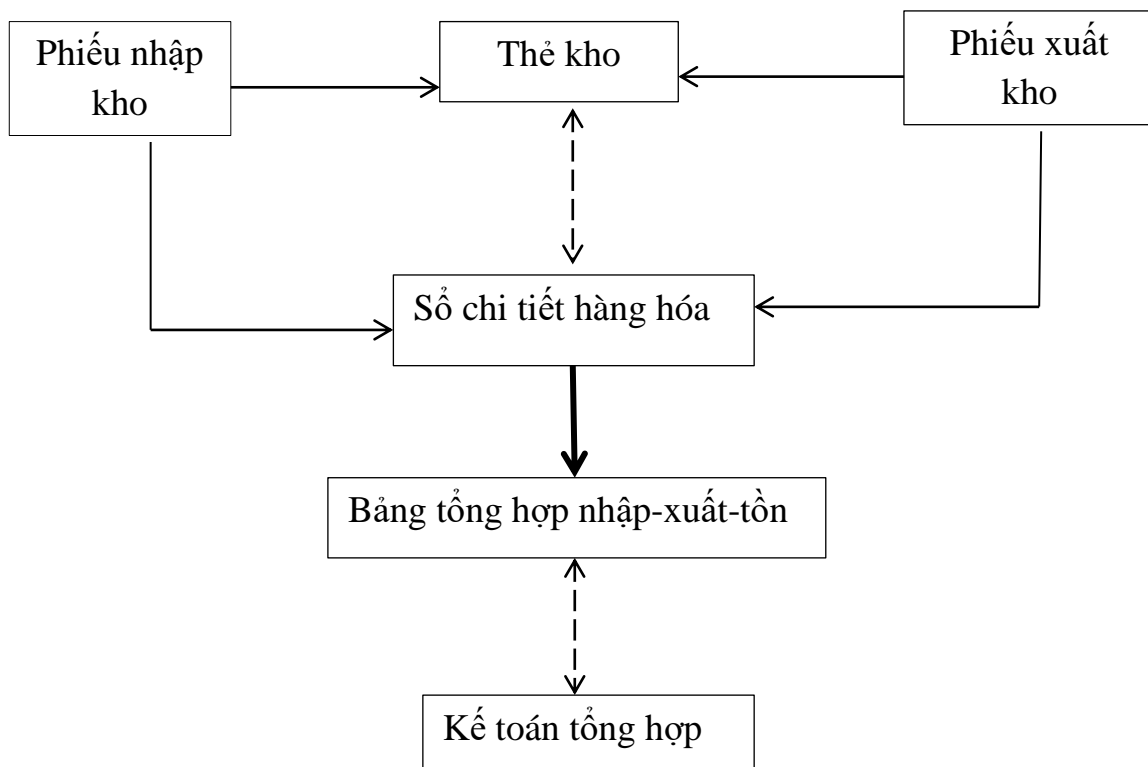
$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân} &= \frac{5.000 \times 11.000 + 500 \times 12.000}{5.000 + 500} = 11.091 \text{ (Đồng)} \end{aligned}$$

Giá xuất bán 300 viên: $300 \times 11.091 = 3.327.300$ (Đồng)

2.2.1.3 Phương pháp kế toán chi tiết hàng tồn kho

Công ty kinh doanh rất nhiều mặt hàng khác nhau và mỗi loại hàng hóa lại có nhiều phân nhánh hàng hóa nhỏ khác, vì vậy khi hạch toán hàng tồn kho công ty cần đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của từng loại hàng hóa. Hạch toán chi tiết được tiến hành song song với hạch toán tổng hợp nhằm mục đích quản lý chặt chẽ các nghiệp vụ phát sinh đối với hàng hóa của doanh nghiệp. Theo đó công ty chọn hình thức thẻ song song để hạch toán.

Sơ đồ 2.3 Quá trình hạch toán theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối kỳ: —————>

Đối chiếu: <----->

Việc hạch toán chi tiết hàng tồn kho được tiến hành đồng thời tại 2 bộ phận kế toán và kho

- Tại kho:

Thủ kho dựa vào thẻ kho theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn hàng hóa. Mỗi chứng từ nhập xuất phát sinh hàng ngày được thủ kho tiến hành phân loại, sắp xếp thứ tự từng loại hàng hóa sau đó ghi cụ thể vào thẻ kho. Cuối ngày hoặc sau mỗi lần nhập, xuất kho thủ kho phải tính toán đối chiếu số lượng hàng hóa tồn kho thực tế so với số liệu trên sổ sách. Cuối tháng, thủ kho tiến hành tổng hợp số nhập, xuất và tính ra số lượng tồn kho theo từng loại mặt hàng. Sau cùng thủ kho lập báo cáo nhập, xuất, tồn kho đối chiếu với sổ sách kế toán và chuyển thẻ kho về phòng kế toán.

$$\begin{array}{cccc} \text{Số lượng tồn} & \text{Số lượng tồn} & \text{Số lượng nhập} & \text{Số lượng xuất} \\ \text{cuối kỳ} & = \text{đầu kỳ} & + \text{kho trong kỳ} & - \text{kho trong kỳ} \end{array}$$

- Tại phòng kế toán:

Kế toán mở sổ kế toán chi tiết cho từng loại hàng hóa tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Sổ này có nội dung tương tự thẻ kho, chỉ khác theo dõi về mặt giá trị. Hàng ngày, sau khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho hàng hóa do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra, đối chiếu và ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ. Sau đó lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập, xuất vào các sổ kế toán chi tiết hàng hóa có liên quan.

Cuối tháng sau khi ghi chép xong toàn bộ các nghiệp vụ nhập, xuất kho lên sổ hoặc thẻ chi tiết kế toán tiến hành cộng và tính số tồn kho cho từng loại hàng hóa. Số liệu này phải khớp với số liệu tồn kho của thủ kho trên thẻ kho tương ứng. Khi phát hiện ra sai sót cần được điều chỉnh kịp thời theo thực tế.

VD1: Ngày 05/01/2015 Nhập kho 5 máy khoan MT653 của Công ty TNHH An Khang đã thanh toán. Số tiền chưa có thuế là 525,000 Đồng/Cái (VAT 10%).

Căn cứ vào HĐGTGT 0005202 số (Biểu số 2.1), kế toán lập phiếu nhập kho số 09/15 (Biểu số 2.2). Thủ kho sau khi nhận được phiếu nhập kho số 09/15 sẽ tiến hành kiểm nhận số lượng, chất lượng hàng hóa nhập kho và ghi số lượng hàng hóa thực nhập vào phiếu nhập kho 09/15. Từ phiếu nhập kho thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 2.7), đồng thời từ phiếu nhập kho vào sổ chi tiết tài khoản 156

(Biểu số 2.9). Sau đó căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn hàng hóa (Biểu số 2.11)

VD2: Ngày 08/01/2015 Nhập kho 500 viên đá mài ba via Cn 180.6.22 của Công ty cổ phần đá mài Hải Dương đã thanh toán. Đơn giá chưa có thuế GTGT là 12.000 Đồng/Viên (VAT 10%)

Căn cứ HĐGTGT số 0001703 (Biểu số 2.3) kế toán lập phiếu nhập kho số 10/15 (Biểu số 2.4). Thủ kho sau khi nhận được phiếu nhập kho số 10/15 sẽ tiến hành kiểm nhận số lượng, chất lượng số hàng hóa nhập kho và ghi số lượng hàng hóa thực nhập vào phiếu nhập kho số 10/15. Sau đó từ phiếu nhập kho vào thẻ kho (Biểu số 2.8), đồng thời từ phiếu nhập kho kế toán vào sổ chi tiết tài khoản 156 (Biểu số 2.10). Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng nhập-xuất-tồn hàng hóa (Biểu số 2.11).

VD3: Ngày 06/01/2015 Bán 1 máy khoan MT653 cho Công ty TNHH Đầu tư cơ khí Thái Bình, giá xuất bán là 558.333 Đồng/Cái , đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hợp đồng mua bán, lệnh xuất kho kế toán lập phiếu xuất kho số 08/15 (Biểu số 2.5). Thủ kho khi nhận được phiếu xuất kho 08/15 sẽ tiến hành xuất kho hàng hóa theo đúng số lượng yêu cầu ghi trên phiếu xuất kho. Sau đó ghi số thực xuất vào phiếu xuất kho và cùng người nhận hàng hóa ký xác nhận vào phiếu xuất kho. Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho lập thẻ kho (Biểu số 2.7). Từ phiếu xuất kho kế toán tiến hành kiểm tra và phản ánh vào sổ chi tiết 156 (Biểu số 2.9) và căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn hàng hóa (Biểu 2.11).

VD4: Ngày 10/01/2015 Xuất bán 300 viên đá mài ba via Cn 180.6.22 cho Công ty TNHH sản xuất Hải Sơn. Giá xuất bán 11.091 Đồng/Viên , đã trả bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hợp đồng mua bán, lệnh xuất kho kế toán lập phiếu xuất kho số 09/15 (Biểu số 2.6). Thủ kho khi nhận được phiếu xuất kho 09/15 sẽ tiến hành xuất kho hàng hóa theo đúng số lượng yêu cầu ghi trên phiếu xuất kho. Sau đó ghi số thực xuất vào phiếu xuất kho và cùng người nhận hàng hóa ký xác nhận vào phiếu xuất kho. Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất kho lập thẻ kho (Biểu số 2.8). Từ phiếu xuất kho kế toán tiến hành kiểm tra và phản ánh vào sổ chi tiết 156 (Biểu số 2.10) và căn cứ vào sổ chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn hàng hóa (Biểu 2.11).

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 2: Giao người mua
 Ngày 05 tháng 01 năm 2015

Mẫu số: 01GTKT3/001
 Ký hiệu: AK/14P
 Số: 0005202

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH AN KHANG.....					
Mã số thuế: 0100837088.....					
Địa chỉ: 206 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội					
Điện thoại: 04.37868088-04.37868999 Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty TNHH TM Chấn Phong					
Mã số thuế: 0200609247.....					
Địa chỉ: 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM/CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy khoan MT653	Cái	05	525.000	2.625.000
Cộng tiền hàng:					2.625.000
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			262.500
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.887.500
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu, tám trăm tám bảy nghìn ,năm trăm đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		

Biểu số 2.1 Hóa đơn GTGT

Mẫu số 01 – VT

C.TY TNHH TM CHẤN PHONG
Số 78 Tôn Đản, Hồng Bàng, HP
MST: 0200609247

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 5 tháng 1 năm 2015

Số 09/15

Nợ: 156,133

Có: 111

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Đức Long Địa chỉ (bộ phận): Kho
Theo HĐ GTGT 0005202 ngày 05/01/2015
Lý do: Mua hàng tại Công ty TNHH AN KHANG
Nhập kho tại: Cty TNHH TM Chấn Phong
Địa điểm: Số 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

Stt	Tên, nhãn hiệu ,quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy khoan MT653		Cái	05	05	525.000	2.625.000
	Cộng						2.625.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: HĐGTGT AK/14P-0005202

Kế toán

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên)

(Ký tên)

(Ký tên)

Biểu số 2.2 Phiếu nhập kho

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua

Ngày 08 tháng 01 năm 2015

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: DM/14P

Số: 0001703

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần đá mài Hải Dương					
Mã số thuế: 0800285844					
Địa chỉ: 314 Điện Biên Phủ - TP. Hải Dương					
Điện thoại: Số tài khoản: 0341000004994					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH TM Chấn Phong					
Mã số thuế: 0200609247					
Địa chỉ: 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM/CK..... Số tài khoản:					
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đá mài ba via Cn 180.6.22	Viên	500	12.000	6.000.000
Cộng tiền hàng:					6.000.000
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			600.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.600.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng			Người bán hàng		
(Ký, ghi rõ họ, tên)			(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		

Biểu số 2.3 Hóa đơn GTGT

Mẫu số 01 - VT

C.TY TNHH TM CHẤN PHONG
Số78 Tôn Đản,Hồng Bàng,HP
MST: 0200609247

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 08 tháng 01 năm 2015

Số 10/15

Nợ: 156,133

Có: 111

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Đức Long Địa chỉ (bộ phận): Kho
Theo HĐ GTGT 0001703 ngày 08/01/2015

Lý do: Mua hàng tại Công ty cổ phần đá mài Hải Dương

Nhập kho tại: Cty TNHH TM Chấn Phong

Địa điểm: Số 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

Stt	Tên, nhãn hiệu ,quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đá mài ba via Cn 180.6.22		Viên	500	500	12.000	6.000.000
	Cộng						6.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: HĐGTGT DM/14P-0001703

Kế toán

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên)

(Ký tên)

(Ký tên)

Biểu số 2.4 Phiếu nhập kho

C.TY TNHH TM CHẤN PHONG

Số 78 Tôn Đản–Hồng Bàng–HP

MST: 0200609247

Mẫu số 02 - VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 1 năm 2015

Số: 08/15

Nợ: 632

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Đức Long Địa chỉ (bộ phận): Kho

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất kho tại: Cty TNHH TM Chấn Phong

Địa điểm: Số 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

ST T	Tên, nhãn hiệu ,quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy khoan MT653		Cái	1	1	558,333	558,333
	Cộng						558,333

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm trăm năm mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: HĐGTGT CP/11P-0000359

Kế toán

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên)

(Ký tên)

(Ký tên)

Biểu số 2.5 Phiếu xuất kho

Mẫu số 02 - VT

C.TY TNHH TM CHẤN PHONG

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC

Số 78 Tôn Đản–Hồng Bàng–HP

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

MST: 0200609247

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 1 năm 2015

Số: 09/15

Nợ: 632

Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Hoàng Đức Long Địa chỉ (bộ phận): Kho

Lý do xuất kho: Xuất bán

Xuất kho tại: Cty TNHH TM Chấn Phong

Địa điểm: Số 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

ST T	Tên, nhãn hiệu ,quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đá mài ba via Cn 180.6.22		Viên	300	300	11,091	3,327,300
	Cộng						3,327,300

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba triệu, ba trăm hai bảy nghìn, ba trăm đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: HĐGTGT CP/11P-0000361

Kế toán

Thủ kho

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên)

(Ký tên)

(Ký tên)

Biểu số 2.6 Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chấn Phong
Địa chỉ: 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S02 - VT

THẺ KHO (SỔ KHO)
Tháng 01/2015

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Tên hàng hóa: Máy khoan MT653
Mã hàng hóa: MK-MT653

Đơn vị: Cái

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu kỳ				4	
1	5/1	PN09/15		Nhập máy khoan của Cty An Khang	5/1	5		9	
2	6/1		PX08/15	Xuất bán máy khoan cho Cty TNHH đầu tư cơ khí Thái Bình	6/1		1	8	
3	10/1		PX11/15	Xuất bán máy khoan cho Cty cổ phần Quốc tế Đông Dương	10/1		3	5	
4	20/1		PX20/15	Xuất bán máy khoan cho Cty TNHH cơ khí và TM Thuận An	20/1		2	3	
5	22/1	PN20/15		Nhập máy khoan của Cty An Khang	22/1	10		13	
...
				Tồn cuối tháng		22	20	6	

Ngày 31 tháng 1 năm 2016

Biểu số 2.7 Thẻ kho (Sổ kho)

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chấn Phong
Địa chỉ: 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số S02 - VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)
Tháng 01/2015

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Tên hàng hóa: Đá mài ba via Cn 180.6.22

Mã hàng hóa: DMBV-180.6.22

Đơn vị: Viên

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ký nhận
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Tồn đầu kỳ				5000	
1	8/1	PN10/15		Nhập đá mài của Cty cổ phần đá mài Hải Dương	8/1	500		5,500	
2	10/1		PX09/15	Xuất bán đá mài cho TNHH sản xuất Hải Sơn	10/1		300	5,200	
3	15/1		PX17/15	Xuất bán đá mài cho Cty cổ phần xuất-nhập-khẩu Linh Thành	15/1		500	4,700	
4	25/1	PN28/15		Nhập đá mài của Cty cổ phần đá mài Hải Dương	25/1	1,000		5,700	
5	28/1		PX30/15	Xuất bán đá mài cho Cty TNHH TM Thành Hưng	28/1		300	5,400	
...
				Tồn cuối tháng		3,000	3,550	4,450	

Biểu số 2.8 Thẻ Kho (Sổ kho)

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chấn Phong
Địa chỉ: 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số: S10-VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tháng 01/2015

Tên hàng hóa: Máy khoan MT653
Mã hàng hóa: MK-MT653
Đơn vị tính: Cái

Tài khoản: 156
Tên kho: Kho Chấn Phong

Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Nhập	Xuất				SL	Thành tiền	SL	Thành Tiền	SL	Thành tiền
			Số dư đầu kỳ		600,000					4	<u>2,400,000</u>
			Số phát sinh								
5/1	PN09/15		Nhập máy khoan của Cty An Khang		525,000	5	2,625,000			9	5,025,000
6/1		PX08/15	Xuất bán máy khoan cho Cty TNHH đầu tư cơ khí thái bình		558,333			1	558,333	8	4,466,667
10/1		PX11/15	Xuất bán máy khoan cho Cty cổ phần Quốc tế Đông Dương		558,333			3	1,674,999	5	2,791,668
20/1		PX20/15	Xuất bán máy khoan cho Cty TNHH cơ khí và TM Thuận An		558,333			2	1,116,666	3	1,675,002

22/1	PN20/15		Nhập máy khoan của Cty An Khang		525,000	10	5,250,000			13	6,925,002
...			
			Tổng số phát sinh			22	11,550,000	20	11,180,000		
			Số dư cuối kỳ							6	<u>2,770,000</u>

Ngày 31 tháng 1 năm 2015

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.9 Sổ chi tiết hàng hóa

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chấn Phong
Địa chỉ: 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số: S10-VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tháng 1/2015

Tên hàng hóa: Đá mài ba via Cn 180.6.22

Tài khoản: 156

Mã hàng hóa: DMBV-180.6.22 / Đơn vị tính: Viên

Tên kho: Kho Chấn Phong

Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	Nhập	Xuất				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
			Số dư đầu kỳ		11,000					5,000	55,000,000
			Số phát sinh								
8/1	PN10/15		Nhập đá mài của Cty cổ phần đá mài Hải Dương	111	12,000	500	6,000,000			5,500	61,000,000
10/1		PX09/15	Xuất bán đá mài cho TNHH sản xuất Hải Sơn	111	11,091			300	3,327,300	5,200	57,672,700
15/1		PX17/15	Xuất bán đá mài cho Cty cổ phần xuất-nhập-khẩu Linh Thành	632	11,091			500	5,545,500	4,700	52,127,200
25/1	PN28/15		Nhập đá mài của Cty cổ phần đá mài Hải Dương	331	12,000	1,000	12,000,000			5,700	64,127,200

28/1		PX30/15	Xuất bán đá mài cho Cty TNHH TM Thành Hưng	632	11,231			300	3,369,300	5,400	60,757,900
...			
			Tổng số phát sinh			3,000	36,000,000	3,550	40,825,000		
			Số dư cuối kỳ							4,450	50,175,000

Ngày 31 tháng 1 năm 2015

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.10 Sổ chi tiết hàng hóa

Mẫu số: 01-TT

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chấn Phong
Địa chỉ: 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN

Tháng 1 năm 2015

Tên tài khoản: Hàng hóa

Ký hiệu: 156

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
...
VN6x40	Vải nhám 6 x 40M	32	1,536,000	54	2,592,000	46	2,208,000	40	1,920,000
VN4x24	Vải nhám 4 x 24	1,000	400,000	500	200,000	450	180,000	1,050	420,000
MK-MT653	Máy khoan MT653	4	2,400,000	22	11,550,000	20	11,180,000	6	2,770,000
DMBV-180.6.22	Đá mài ba via 180.6.22	5,000	55,000,000	3,000	36,000,000	3,550	40,825,000	4,450	50,175,000
SxTB2 250	Sx 80 TB2 250.32.32	10	2,710,600	8	2,168,480	6	1,626,360	12	3,252,720
SxTB2 200	Sx 80 TB2 200.32.32	14	2,315,824	8	1,323,328	12	1,984,992	10	1,654,160

SxTB1 125	Sx 80 TB1 V3 125.8.16	10	205,600	15	308,400	7	143,920	18	370,080
SxTB1 150	Sx 80 TB1 V3 150.8.16	20	605,240	5	151,310	23	696,026	2	60,524
VN156	Vải nhám	58	1,740,000	30	900,000	42	1,260,000	46	1,380,000
CNcv1 350	Cn 36 cv1 350.40.75	12	4,536,000	30	11,340,000	26	9,828,000	16	6,048,000
SxTB1 125	Sx 80 TB1 V3 125.8.16	50	1,000,000	10	200,000	25	500,000	35	700,000
...
Tổng cộng			<u>1.878.079.773</u>		<u>1,243,005,578</u>		<u>1,553,006,717</u>		<u>1,568,078,634</u>

Ngày 31 tháng 1 năm 2015

Người lập
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.11 Bảng tổng hợp Nhập-Xuất-Tồn

2.2.2 Kế toán tổng hợp hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Chấn Phong

Kế toán tổng hợp hàng tồn kho là việc phản ánh tổng quát tình hình nhập-xuất hàng hóa thông qua các tài khoản kế toán. Công ty đã chọn phương pháp kê khai thường xuyên làm phương pháp hạch toán. Theo phương pháp này thì tình hình biến động nhập-xuất-tồn kho hàng hóa tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên, liên tục. Do vậy mà giá trị của hàng hóa được xác định ở bất kỳ thời điểm nào.

2.2.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng

- Hợp đồng mua bán
- Phiếu nhập kho (mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02-VT)
- Thẻ kho
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác

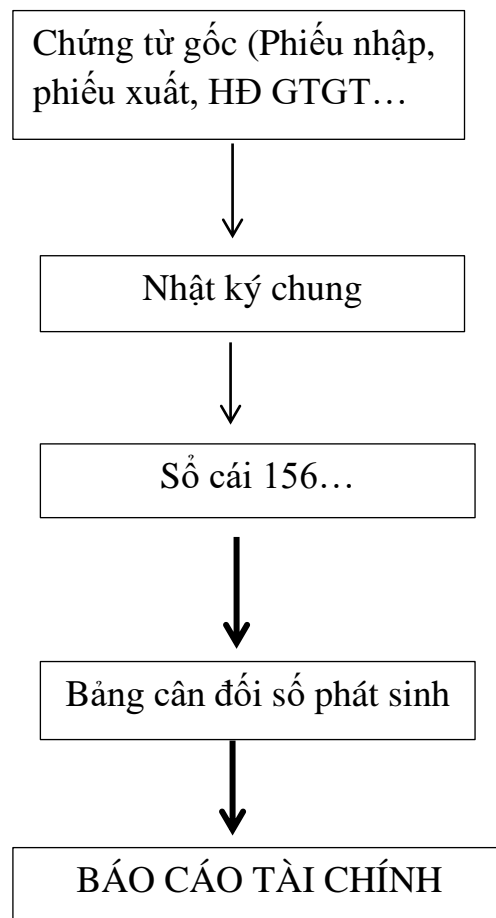
2.2.2.2 Tài khoản kế toán sử dụng

- ĐỀ hạch toán hàng tồn kho công ty sử dụng tài khoản 156: Hàng hóa
- Các tài khoản liên quan:
 - + TK 111: Tiền mặt
 - + TK 112: Tiền gửi ngân hàng
 - + TK 331: Phải trả người bán
 - + TK 1331: Thuế GTGT được khấu trừ
 - + TK 632: Giá vốn hàng bán

2.2.2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Chấn Phong

Quy trình hạch toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH TM Chấn Phong như sau:

Sơ đồ 2.4 Quy trình hạch toán hàng tồn kho tại Công ty TNHH TM Chấn Phong



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: —————>
- Ghi cuối kỳ: —————>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <----->

Ở phòng kế toán, hàng ngày căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho kế toán phản ánh các nghiệp vụ vào Nhật ký chung. Từ số liệu trên nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 156. Đồng thời từ chứng từ gốc phản ánh nghiệp vụ vào sổ chi tiết hàng hóa.

Sau cùng kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập Bảng cân đối tài khoản. Từ sổ chi tiết tài khoản kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết và đối chiếu chúng với sổ cái rồi lập Báo cáo tài chính.

VD1: Ngày 05/01/2015 Nhập kho 5 máy khoan MT653 của Công ty TNHH An Khang đã thanh toán. Số tiền chưa có thuế là 525,000 Đồng/Cái (VAT 10%).

Căn cứ vào HĐGTGT số 0005202 (Biểu số 2.1), kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.2)

Từ phiếu nhập kho và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 156: 2,625,000

Nợ TK 133: 262.500

Có TK 111: 2,887,500

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.12), Từ sổ Nhật ký chung kế toán lập Sổ cái TK 156 (Biểu số 2.13), TK133, TK111. Khi nhận được thẻ kho (Biểu số 2.7) kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết hàng hóa tương ứng (Biểu số 2.9). Từ sổ chi tiết hàng hóa lập Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn (Biểu 2.11). Cuối kỳ đối chiếu số liệu ở Bảng nhập-xuất-tồn với sổ cái TK 156.

VD2: Ngày 08/01/2015 Nhập kho 500 viên đá mài ba via Cn 180.6.22 của Công ty cổ phần đá mài Hải Dương đã thanh toán. Đơn giá chưa có thuế GTGT là 12.000 Đồng/Viên (VAT 10%)

Căn cứ vào HĐGTGT số 0001703 (Biểu số 2.3), kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.4)

Từ phiếu nhập kho và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 156: 6,000,000

Nợ TK 133: 600,000

Có TK 111: 6,600,000

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.12), Từ sổ Nhật ký chung kế toán lập Sổ cái TK 156 (Biểu số 2.13), TK133, TK111. Khi nhận được thẻ kho (Biểu số 2.8) kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết hàng hóa tương ứng (Biểu số 2.10). Từ sổ chi tiết hàng hóa lập Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn (Biểu 2.11). Cuối kỳ đối chiếu số liệu ở Bảng nhập-xuất-tồn với sổ cái TK 156.

VD3: Ngày 06/01/2015 Bán 1 máy khoan MT653 cho Công ty TNHH Đầu tư cơ khí Thái Bình, giá xuất bán là 558.333 Đồng/Cái , đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh vào sổ sách theo định khoản:

Nợ TK 632: 558,333

Có TK 156: 558,333

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.12), Từ sổ Nhật ký chung kế toán lập Sổ cái TK 156 (Biểu số 2.13), TK632. Khi nhận được thẻ kho (Biểu số 2.7) kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết hàng hóa tương ứng (Biểu số 2.9). Từ sổ chi tiết hàng hóa lập Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn (Biểu 2.11). Cuối kỳ đối chiếu số liệu ở Bảng nhập-xuất-tồn với sổ cái TK 156.

VD4: Ngày 10/01/2015 Xuất bán 300 viên đá mài ba via Cn 180.6.22 cho Công ty TNHH sản xuất Hải Sơn. Giá xuất bán 11.091 Đồng/Viên , đã trả bằng tiền mặt.

Căn cứ vào phiếu xuất kho và các chứng từ liên quan kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh vào sổ sách theo định khoản:

Nợ TK 632: 3,327,300

Có TK 156: 3,327,300

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.12), Từ sổ Nhật ký chung kế toán lập Sổ cái TK 156 (Biểu số 2.13), TK632. Khi nhận được thẻ kho (Biểu số 2.8) kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết hàng hóa tương ứng (Biểu số 2.10). Từ sổ chi tiết hàng hóa lập Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn (Biểu 2.11). Cuối kỳ đối chiếu số liệu ở Bảng nhập-xuất-tồn với sổ cái TK 156.

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chấn Phong
 Địa chỉ: 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Nhật ký chung
Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số tài khoản		Số tiền
	Ngày tháng	Số hiệu		Nợ	Có	
					
05/01/2015	05/01/2015	PC11/15	Mua hàng của Công ty TNHH AN KHANG	156	111	2,625,000
05/01/2015	05/01/2015	PC11/15	VAT được khấu trừ	133	111	262,500
06/01/2015	06/01/2015	PX08/15	Bán hàng cho Công ty TNHH đầu tư cơ khí Thái Bình	632	156	558,333
					
08/01/2015	08/01/2015	PC13/15	Mua hàng Cty đá mài Hải Dương	156	111	6,000,000
08/01/2015	08/01/2015	PC13/15	VAT được khấu trừ	133	111	600,000
10/01/2015	10/01/2015	PX09/15	Bán hàng cho Công ty TNHH sản xuất Hải Sơn	632	156	3,327,300

14/01/2015	14/01/2015	PC14/15	Mua hàng Cty đá mài Hải Dương	156	111	10,328,000
14/01/2015	14/01/2015	PC14/15	VAT được khấu trừ	133	111	1,032,800
16/01/2015	16/01/2015	BC08/15	Công ty TNHH đầu tư cơ khí Thái Bình thanh toán tiền hàng	112	131	30,000,000
					
			Tổng			12,203,193,397

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.12 Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH TM Chấn Phong
Địa chỉ: 78 Tôn Đản – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số: S03b - DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006 QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ cái

Năm 2015

Tên tài khoản: Hàng hóa

Số hiệu tài khoản: 156

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Ngày tháng	Số hiệu			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kì</u>		<u>1.878.079.773</u>	
05/01/2015	05/01/2015	PC11/15	Mua hàng của Công ty TNHH AN KHANG	111	2,625,000	
06/01/2015	06/01/2015	PX08/15	Bán hàng cho Công ty TNHH đầu tư cơ khí Thái Bình	632		558,333
					
08/01/2015	08/01/2015	PC13/15	Mua hàng Cty đá mài Hải Dương	111	6,000,000	
10/01/2015	10/01/2015	PX09/15	Bán hàng cho Công ty TNHH sản xuất Hải Sơn	632		3,327,300
14/01/2015	14/01/2015	PC14/15	Mua hàng Cty đá mài Hải Dương	111	10,328,000	

15/01/2015	15/01/2015	PX10/15	Giá vốn hàng bán cho Cty cp quốc tế Đông Dương	632		7,642,518
			...			
			Số phát sinh		1,243,005,578	1,553,006,717
			<u>Số dư cuối kì</u>		<u>1,568,078,634</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.13 Sổ Cái

2.2.3 Công tác kiểm kê hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, công ty tổ chức kiểm kê hàng tồn kho để phát hiện và xử lý những chênh lệch giữa số liệu tồn kho trên thực tế và số liệu trong sổ sách. Trước mỗi lần kiểm kê hàng hóa, hội đồng kiểm kê sẽ thông báo và thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm kê hàng hóa tồn kho. Đồng thời tại phòng kế toán các sổ sách được khóa sổ sau khi kế toán tính ra giá trị hàng tồn kho của hàng hóa,

Thông qua việc kiểm kê hội đồng kiểm kê thể hiện kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê hàng hóa. Từ biên bản kiểm kê hàng hóa Giám đốc công ty sẽ cùng với hội đồng kiểm kê đưa ra phương án xử lý thích hợp với từng loại hàng hóa.

Nếu phát hiện thiếu, mất hàng hóa phải được xử lý theo quy định của công ty hoặc quyết định của Giám đốc. Nếu phát hiện thừa, thiếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi vào sổ phải tiến hành ghi bổ sung hoặc điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán.

VD: Theo kết quả kiểm kê hàng hóa ngày 31/12/2015, Hội đồng kiểm kê lập biên bản kiểm kê hàng hóa (Biểu số 2.14)

BIÊN BẢN KIỂM KÊ HÀNG TỒN KHO

Năm 2015

Thời điểm kiểm kê: 7h30' Ngày 31/12/2015

Ban kiểm kê bao gồm:

Bà Phạm Thu Thủy

Chức vụ: Giám đốc

Trưởng ban

Ông Hoàng Đức Long

Chức vụ: Nhân viên kinh doanh

Ủy viên

Bà Bùi Thị Ngát

Chức vụ: Thủ Kho

Ủy viên

Bà Nguyễn Hồng Anh

Chức vụ: Kế toán

Ủy viên

Đã kiểm kho những mặt hàng sau:

Stt	Tên hàng hóa	ĐVT	Đơn giá	Số sách		Thực tế		Chênh lệch		Phẩm chất		
				SL	T.tiền	SL	T.tiền	SL	T.tiền	Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
1	Vải nhám 4 x 24	M	400	1,050	420,000	1,050	420,000	-	-	x		
2	Máy khoan MT653	Cái	461,667	6	2,770,000	6	2,770,000	-	-	x		
3	Đá mài ba via 180.6.22	Viên	11,275	4,450	50,175,000	4,450	50,175,000	-	-	x		
4	Sx 80 TB2 250.32.32	Cuộn	271,060	12	3,252,720	12	3,252,720	-	-	x		
5	Sx 80 TB2 200.32.32	Cuộn	165,416	10	1,654,160	10	1,654,160	-	-	x		
	...											
	Tổng				1,568,078,634		1,568,078,634					

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ kho

Trưởng ban kiểm kê

Biểu số 2.14 Biên bản kiểm kê hàng tồn kho

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI CHẤN PHONG

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Chấn Phong

Qua hơn 10 năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại với mặt hàng chủ yếu là đá mài, đá cắt, vải nhám, keo...thì Công ty TNHH TM Chấn Phong đã không ngừng phát triển và khẳng định vị thế trên thị trường Hải Phòng cũng như vươn xa hơn tới các thị trường ngoài khu vực. Để có được thành quả như ngày hôm nay, không thể thiếu sự lãnh đạo sáng suốt, chiến lược kinh doanh nhạy bén, kịp thời và chuẩn xác của Giám đốc cũng như sự đóng góp hết mình của các nhân viên trong công ty.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH TM Chấn Phong, em đã được Giám đốc cũng như các nhân viên trong công ty đặc biệt là phòng kế toán đã tận tình giúp đỡ tạo điều kiện để em có cơ hội được tiếp cận với công tác kế toán tại doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng. Từ kiến thức học được trong nhà trường cùng với việc nghiên cứu thực tế công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty em nhận thấy công ty có một số ưu điểm và hạn chế sau.

3.1.1 Ưu điểm

Đi đôi cùng với sự phát triển của công ty thì ban lãnh đạo đã phải không ngừng nâng cao phương thức quản lý, mở rộng quy mô kinh doanh, kho bãi, đưa ra những quyết sách đúng đắn, hợp lý và kịp thời với từng thời điểm để đem lại lợi ích tối đa cho công ty.

* Về tổ chức công tác quản lý kinh doanh của doanh nghiệp

- Bộ máy quản lý của công ty TNHH TM Chấn Phong được tổ chức gọn nhẹ, đơn giản, có sự thống nhất từ trên xuống dưới. Công ty không ngừng cải thiện bộ máy quản lý để nhằm phù hợp với thực tế công ty và hoạt động một cách ổn định, có hiệu quả nhất.

- Các bộ phận trong công ty có sự gắn kết chặt chẽ với nhau theo một thể thống nhất.

- Hệ thống cửa hàng đảm bảo hoạt ổn định, kho bãi đảm bảo hàng hóa lưu trữ trong điều kiện tốt nhất.

- Đội ngũ nhân viên nhiệt tình, năng động, sáng tạo, tận tụy với công việc và có tinh thần trách nhiệm cao. Công việc được phân công cụ thể nhằm phát huy hết khả năng của nhân viên.

* Về tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp

Hệ thống tài khoản: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Công ty cũng luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán.

Hệ thống chứng từ: Công ty TNHH TM Chấn Phong sử dụng để hạch toán theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành từ: Phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho... Các thông tin của nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ nhằm tạo điều kiện cho đối chiếu kiểm tra.

Hệ thống sổ sách: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp nó giúp cho công việc kế toán phát sinh hàng ngày được cập nhật kịp thời. Khi lãnh đạo doanh nghiệp muốn biết thông tin thì nó có thể đáp ứng ngay được và nhà lãnh đạo có thể xử lý ngay được những vấn đề xảy ra đồng thời họ cũng có thể đưa ra chiến lược kinh doanh mới đáp ứng nhu cầu thị trường cho công ty. Nói chung thì phương pháp hạch toán này hoàn toàn phù hợp với quy mô doanh nghiệp.

Công ty phân công, giao việc cụ thể phù hợp với năng lực của nhân viên. Giữa các bộ phận có sự liên kết chặt chẽ làm cho công tác vận hành công ty được đảm bảo ổn định.

* Về tổ chức công tác kế toán hàng tồn kho của công ty

- Đối với hoạt động nhập-xuất kho: Công ty TNHH TM Chấn Phong đã xây dựng được quy trình xuất, nhập kho tương đối hoàn thiện. Việc nhập kho hàng hóa phải được lên kế hoạch, khảo sát phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường. Khi chiến lược nhập kho hàng hóa thành công thì việc xuất kho cũng được tiến hành. Các nhà quản lý phải đảm bảo sự luân chuyển hàng hóa hợp lý để giúp doanh nghiệp không bị ứ đọng vốn quá nhiều cũng như cũng cấp đầy đủ nhu cầu của khách hàng khi cần thiết.

- Về kế toán chi tiết hàng tồn kho: Công ty hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song. Phương pháp này tương đối đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra, đối chiếu. Trong công tác hạch toán chi tiết hàng tồn kho yêu

cầu phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa kế toán và thủ kho. Thủ kho theo dõi hàng hóa, quản lý chi tiết hàng hóa thực tế còn kế toán theo dõi hàng hóa thông qua sổ chi tiết hàng hóa. Bên cạnh đó công ty còn thường xuyên đối chiếu giữa sổ kế toán chi tiết với thẻ kho, đối chiếu số liệu trên bảng nhập xuất tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp.

- Về kế toán tổng hợp hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để theo dõi hàng hóa. Chính vì vậy nên ở bất kỳ thời điểm nào công ty cũng có thể biết được giá trị nhập, xuất biến động tăng, giảm của hàng hóa. Từ đó giúp công ty quản lý tốt hơn hàng tồn kho.

- Về phương pháp giảm giá hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập để tính trị giá hàng xuất kho. Phương pháp này tương đối phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Nhờ có phương pháp này thì kế toán có thể đảm bảo tính kịp thời của số liệu.

3.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm trong công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng tồn kho nói riêng thì vẫn công ty vẫn còn có những hạn chế cần được khắc phục:

- Các loại hàng hóa của công ty rất đa dạng và có nhiều loại mặt hàng có giá trị lớn. Vì vậy công ty cần có kế hoạch đầu tư sửa chữa nâng cấp kho bãi để đảm bảo hàng hóa được bảo quản một cách tốt nhất. Việc đó nhằm giúp doanh nghiệp tránh được những rủi ro xảy ra.

- Việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận diễn ra thường xuyên tuy nhiên các bộ phận phòng ban này lại không có biên bản giao nhận chứng từ nên dễ xảy ra mất mát chứng từ. Từ đó việc quy trách nhiệm rất khó khăn, không biết nên quy cho ai. Vậy nên có thể dẫn đến tình trạng thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý chứng từ.

- Công ty chưa thực hiện việc trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên việc đó có thể gây rủi ro cho công tác tính giá thực của hàng hóa. Trên thực tế thì việc trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho là rất quan trọng. Hơn nữa công ty là doanh nghiệp có các loại hàng hóa rất đa dạng, phong phú, vì thế nên lập quỹ dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Công tác kiểm kê hàng tồn kho tại công ty còn chưa được thực hiện thường xuyên. Cuối năm công ty mới tiến hành kiểm kê hàng hóa tồn kho nên không phát hiện kịp thời sự mất mát, hao mòn để xử lý dẫn đến tổn thất cho

công ty. Vì vậy mà công ty cần thường xuyên tổ chức kiểm kê hàng hóa tồn kho để có hướng giải quyết đúng thời điểm khi có rủi ro xảy ra.

3.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Chấn Phong

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tại công ty

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, việc cập nhật những thông tin kế toán đóng vai trò và vị trí rất quan trọng. Kế toán được cho là một công cụ hữu hiệu nhất để điều hành cũng như quản lý, kiểm tra, tính toán hiệu quả các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo đà phát triển mạnh mẽ như hiện nay thì việc cạnh tranh về giá cả giữa các doanh nghiệp hiện nay là yếu tố chủ chốt quyết định số phận hàng hóa của công ty. Việc hạch toán kế toán hàng tồn kho phải đầy đủ, chính xác, kịp thời sẽ giúp doanh nghiệp phản ánh giá thành hàng hóa một cách chân thực nhất. Từ đó các nhà quản lý sẽ phân tích, tìm hiểu nhằm đưa ra chiến lược nhập xuất hàng hóa có tính cạnh tranh cao với thị trường, mang lại lợi ích kinh tế cao nhất cho công ty.

Trên thực tế, Công ty TNHH TM Chấn Phong cũng đã có rất nhiều cố gắng trong công tác tổ chức, quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán hàng tồn kho. Tuy nhiên bên cạnh những mặt tốt thì công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng hơn nữa những yêu cầu nhằm mục đích lợi nhuận tăng. Chính vì vậy công ty cần phải nghiên cứu để đưa ra các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho nhưng phải phù hợp với đặc điểm của công ty và phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí tối đa.

3.2.2 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH TM Chấn Phong

3.2.2.1 Hoàn thiện về việc hiện đại hóa công tác kế toán

Trong thời đại hiện nay hầu hết các doanh nghiệp đã áp dụng các phần mềm kế toán trong công tác kế toán. Chấn Phong hiện nay cũng đã sử dụng hình thức kế toán trên excel. Tuy nhiên, để bắt kịp với xu thế phát triển hiện nay, công ty nên tiếp thu những tiến bộ mới để giúp cho việc quản lý các nghiệp vụ kinh tế của công ty dễ dàng hơn. Việc áp dụng phần mềm kế toán trong kế toán sẽ giúp doanh nghiệp:

- Tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần hiện đại hóa bộ máy kế toán của công ty.
- Giảm sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên.

- Các thông tin được xử lý nhanh, có độ chính xác cao.
- Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng được thống nhất trong toàn công ty, giúp doanh nghiệp dễ dàng sử dụng, quản lý.
- Đáp ứng nhu cầu thông tin cho từng người dùng tùy theo mục đích sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng, giảm thiểu khối lượng công việc, tiết kiệm chi phí và đảm bảo công tác kế toán nhanh và hiệu quả cao.

Một số phần mềm kế toán thông dụng hiện nay:

*** Phần mềm kế toán MISA**

- Ưu điểm:
 - + Là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. Nó phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.
 - + Giao diện thân thiện, dễ dàng sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt, bám sát và tuân thủ chế độ kế toán.
 - + Đối với lĩnh vực thương mại, dịch vụ: MISA giúp doanh nghiệp theo dõi tốt các khoản doanh thu, chi phí, công nợ và tự động tính lợi nhuận theo từng phòng ban bộ phận, giúp lãnh đạo doanh nghiệp dễ dàng đánh giá được hiệu quả kinh doanh của từng bộ phận.
 - + MISA có nhiều gói sản phẩm khác nhau để phù hợp với quy mô và nhu cầu của từng doanh nghiệp. Chỉ cần mua một giấy phép, doanh nghiệp có thể cài được trên nhiều máy với chi phí hợp lý.
 - + Sử dụng công nghệ Microsoft, cơ sở dữ liệu SQL Server Express, MISA luôn đảm bảo an toàn bảo mật. Đặc biệt, việc sử dụng nghệ hiện đại nhất giúp cho tốc độ in chứng từ, báo cáo nhanh gấp 3 lần so với các sản phẩm trước.
 - + Đây là một trong những sản phẩm đầu tiên ở Việt Nam cho phép đối tượng thủ quỹ, thủ kho tham gia vào phần mềm ngoài kế toán, giúp tiết kiệm hơn 50% thời gian công việc của thủ quỹ, thủ kho.
 - + Chuẩn hóa quy trình của doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian báo cáo mà không phải lo bị cơ quan thuế phạt vì báo cáo chậm trễ, số liệu chưa chính xác. Giúp kế toán trưởng có sẵn số liệu để cung cấp cho ban lãnh đạo, lãnh đạo doanh nghiệp có sẵn báo cáo để ra quyết định kịp thời. Đặc biệt đối với doanh nghiệp có nhiều

chi nhánh, lãnh đạo doanh nghiệp luôn được cung cấp số liệu báo cáo nhanh chóng và dễ dàng đánh giá được hiệu quả kinh doanh của từng chi nhánh.

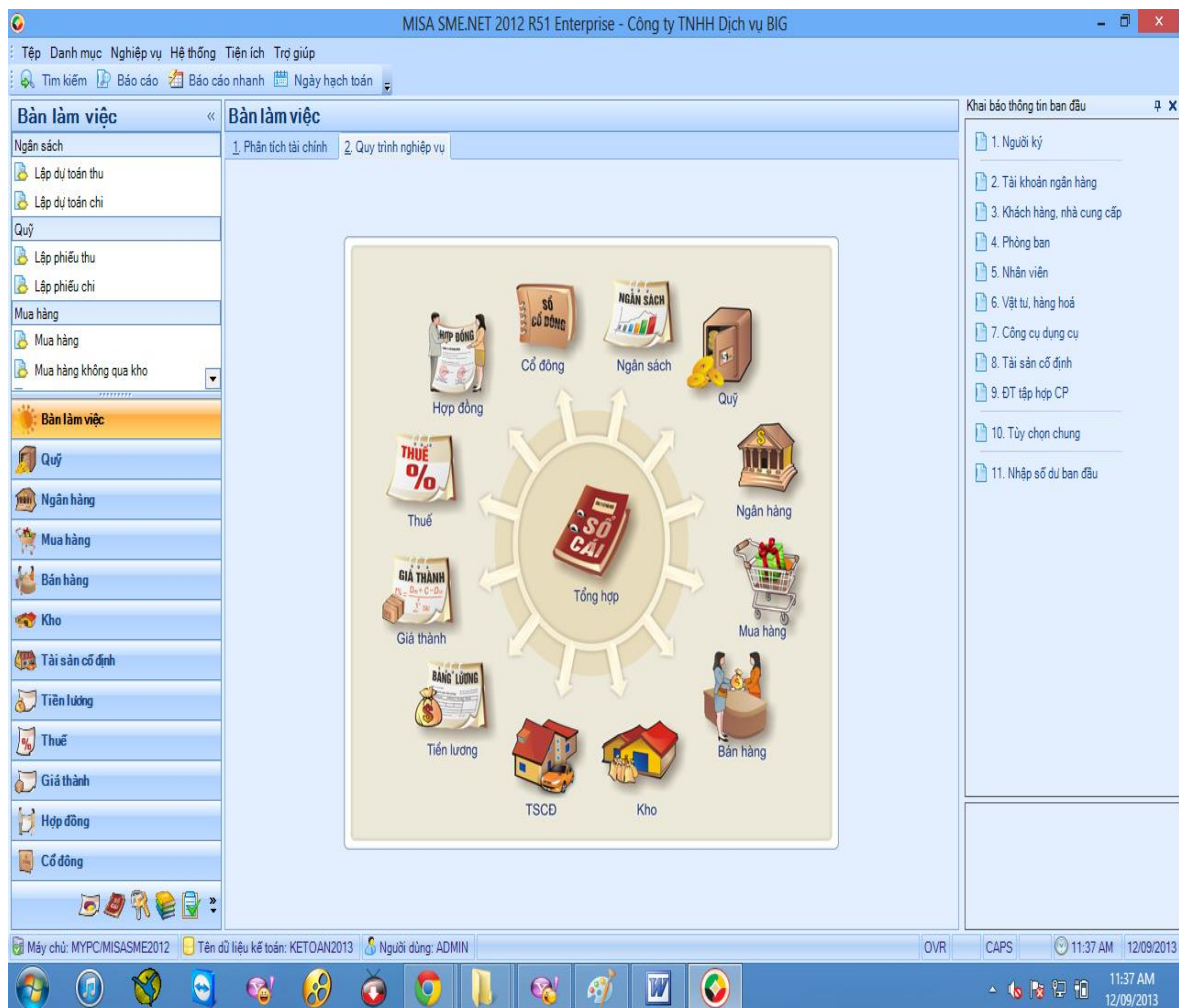
+ Tự động sao lưu dữ liệu sau mỗi phiên làm việc, dễ dàng khôi phục lại dữ liệu khi có sự cố xảy ra, dữ liệu kế toán luôn được an toàn khi có sự thay đổi nhân sự kế toán.

- Nhược điểm

+ Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm.

+ Phần mềm mang tính công nghệ cao, mới nên đòi hỏi người dung phải tham gia khóa đào tạo để sử dụng thành thạo nó.

Các dòng sản phẩm của MISA đều là các phần mềm đóng gói, mang tính phổ biến, phù hợp với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, không cần báo cáo kiểu quản trị nhiều



*** Phần mềm kế toán Fast Accounting**

- Ưu điểm:

+ Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

+ Tốc độ xử lý rất nhanh.

+ Cho phép kết xuất báo cáo ra Excell với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

+ Sử dụng làm việc mọi lúc, mọi nơi trên mọi thiết bị Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.

+ Dễ dàng truy xuất thông tin, đảm bảo tính chính xác

- Nhược điểm:

+ Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).

+ Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

Fast có rất nhiều dòng sản phẩm đáp ứng cho doanh nghiệp có quy mô từ siêu nhỏ đến mô hình tập đoàn. Mỗi sản phẩm đáp ứng nhu cầu theo quy mô và yêu cầu quản lý cũng như kế toán của từng DN vừa và nhỏ ít nghiệp vụ, DN lớn cần nhiều báo cáo về quản trị, DN về xây dựng thì nên dùng Fast.



3.2.2.2 Hoàn thiện về hệ thống kho, bãi

Công ty TNHH TM Chấn Phong có hàng hóa rất đa dạng, nhiều chủng loại khác nhau đặc biệt có những hàng hóa có giá trị cao nên công tác bảo quản hàng hóa của công ty là rất quan trọng. Do vậy công ty cần chú trọng đến các kho, bãi chứa hàng hóa, cần tu sửa để đảm bảo công tác dự trữ hàng hóa được bảo đảm.

Hàng tháng, hàng năm cần cho nhân viên kiểm tra hệ thống kho bãi để phát hiện kịp thời những hư hỏng. Từ đó công ty có hướng sửa chữa nhằm đảm bảo hàng hóa không bị tổn thất. Bên cạnh đó cần tổ chức tu sửa định kỳ kho bãi, cũng như thay thế những tài sản cũ hỏng không còn giá trị sử dụng.

Hệ thống kho bãi được đảm bảo thì hàng hóa sẽ được bảo đảm. Cũng như tài sản của công ty cũng sẽ đảm bảo và tránh được tổn thất kinh tế cho công ty. Nó giúp cho công ty tránh được rủi ro về hàng hóa.

3.2.2.3 Hoàn thiện về công tác quản lý hàng tồn kho

Công ty chuyên kinh doanh thương mại và hàng hóa rất đa dạng nên công ty cần lập danh điểm hàng hóa để tiện cho việc theo dõi và kiểm soát vật tư được dễ dàng và chính xác hơn. Sổ danh điểm hàng hóa sẽ tập hợp toàn bộ hàng hóa được theo dõi cho từng loại, từng nhóm một cách chặt chẽ. Khi có sổ danh điểm hàng hóa sẽ rất thuận lợi cho việc tìm kiếm thông tin về một loại hàng hóa nào đó trong công ty.

Ngoài ra sổ danh điểm hàng hóa còn cung cấp thông tin về giá trị hàng hóa xuất kho, tồn kho bất cứ khi nào theo giá hạch toán. Bởi vì công ty hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp thẻ song song và tính giá xuất hàng hóa theo phương pháp bình quân liên hoàn nên khi mở sổ danh điểm hàng hóa sẽ giảm bớt khối lượng công việc hạch toán, cũng cấp thông tin kịp thời phục vụ quản lý và thuận tiện cho việc sử dụng phần mềm kế toán trên máy tính.

Khi mở sổ danh điểm hàng hóa phải có sự kết hợp giữa phòng kế toán và bộ phận kho sau đó trình lên cơ quan chủ quản của công ty để thống nhất quản lý và sử dụng cho toàn công ty. Nhờ có sổ danh điểm hàng hóa sẽ giúp các nhà lãnh đạo đưa ra hướng giải quyết kịp thời không làm gián đoạn hoạt động kinh doanh của công ty.

Hiện tại thì công ty chưa có sổ danh điểm hàng hóa nhưng họ đã xây dựng bộ mã hóa hàng hóa để tiện cho việc theo dõi. Tuy nhiên, công ty nên lập sổ danh điểm hàng hóa để hệ thống các loại mặt hàng theo một thể thống nhất (ví dụ

bảng 3.1). Ngoài ra nó còn rất tiện lợi cho việc quản lý và tìm kiếm thông tin hàng hóa.

SỔ DANH ĐIỂM HÀNG HÓA

Kho	Danh điểm hàng hóa	Tên, nhãn hiệu, quy cách hàng hóa	Đơn vị tính	Giá hạch toán	Ghi chú
Công ty	156	Hàng hóa			
	156.VN	Vải nhám	M		
	156.VN01	Vải nhám 4 x 24	M		
	156.VN02	Vải nhám 6 x 40M	M		
	...				
	156.ĐM	Đá mài	Viên		
	156.ĐM01	Đá mài ba via 150.5.22	Viên		
	156.ĐN02	Đá mài ba via 180.6.22	Viên		
	...				

Biểu số 3.1 Sổ danh điểm hàng hóa

3.2.2.4 Hoàn thiện về công tác tổ chức kiểm kê hàng hóa

Doanh nghiệp nên thường xuyên tiến hành kiểm kê hàng hóa có thể là kiểm kê hàng tháng hoặc hàng quý để kịp thời phát hiện xử lý những rủi ro hàng hóa. Công tác kiểm kê sử dụng thước đo hiện vật để đo, đếm tại chỗ. Khi phát hiện thừa thiếu hàng hóa tại kho, kế toán phải xác định nguyên nhân và ghi sổ kế toán.

Vì công ty có rất nhiều hàng hóa và có những hàng hóa có giá trị nên doanh nghiệp cần chú trọng việc kiểm kê hàng hóa một cách thường xuyên, liên tục. Khi kiểm kê thường xuyên sẽ góp phần thúc đẩy tinh thần làm việc của nhân viên có trách nhiệm hơn. Trên thực tế nếu để đến cuối năm mới kiểm kê hàng hóa tồn kho khi có những hàng hóa hư hỏng mà doanh nghiệp không xử lý kịp thời sẽ dẫn đến tổn thất về mặt kinh tế. Chính vì vậy công ty cần thường xuyên tổ chức kiểm kê hàng hóa để hạn chế rủi ro kinh tế cho doanh nghiệp.

3.2.2.5 Hoàn thiện về công tác luân chuyển chứng từ

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì bên giao và nhận phải ký nhận vào sổ giao nhận chứng từ. Khi chẳng may xảy ra tình trạng mất chứng từ cũng dễ dàng quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý hợp lý và công bằng. Việc làm này giúp nâng cao tinh thần trách nhiệm của nhân viên cũng như giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty.

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ
Năm...

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
	Số hiệu	Ngày tháng			Người giao	Người nhận

Biểu số 3.2 Sổ giao nhận chứng từ

3.2.2.6 Hoàn thiện về công tác trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Để tránh được những tổn thất xảy ra trong hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp cần lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Doanh nghiệp nên thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để kiểm soát được sự chênh lệch giá cả tại thời điểm nhất định để giảm thiểu tối đa tổn thất kinh tế. Trên thực tế, giá cả hàng hóa luôn biến động không ngừng tùy thuộc vào tình hình kinh tế thị trường, chính vì vậy các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp thương mại nên lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Bên cạnh đó, dự phòng giảm giá còn có tác dụng làm giảm lãi niên độ kế toán, nên công ty sẽ tích lũy được một nguồn tài chính mà lẽ ra nó đã được phân chia. Nguồn tài sản này sẽ tạm thời nằm trong tài sản lưu động và khi cần sử dụng để bù đắp các thiệt hại kinh tế hàng tồn kho giảm giá phát sinh. Hơn nữa nó còn được ghi nhận là một tài khoản chi phí làm giảm thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Đối tượng lập dự phòng là toàn bộ hàng hóa tồn kho (bao gồm cả hàng hóa bị hư hỏng, kém phẩm chất, lạc hậu, ứ đọng, chậm luân chuyển...) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

- + Hàng hóa phải có hóa đơn chứng từ hợp pháp theo quy định của bộ tài chính hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn hàng hóa tồn kho.

- + Nó phải là những hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ tài chính.

Để hạch toán nghiệp vụ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán sử dụng tài khoản 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”. Tài khoản này được sử dụng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập. Theo chế độ kế toán hiện hành vào cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá trị gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Cách hạch toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Nếu các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ năm trước thì kế toán phải phản ánh số chênh lệch:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Nếu các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ năm trước thì kế toán phải phản ánh số chênh lệch:

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

KẾT LUẬN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại, hàng hóa là một yếu tố vô cùng quan trọng. Để giúp doanh nghiệp quản lý có hiệu quả thì kế toán nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng phải luôn được cải tiến và hoàn thiện. Kế toán hàng tồn kho phải đảm bảo chính xác, đầy đủ là điều kiện cần thiết để giúp doanh nghiệp có được nguồn thông tin kịp thời, nhanh chóng từ đó họ có thể đưa ra các chiến lược kinh doanh, biện pháp khắc phục và xử lý các rủi ro. Cũng từ đó mang lại cho doanh nghiệp hiệu quả kinh tế cao.

Sau thời gian thực tập tại công ty, được sự giúp đỡ hướng dẫn và tạo điều kiện của các anh chị trong công ty, em đã tiếp xúc và thực hành với công việc kế toán. Qua đó, nó đã giúp em nhận thức được mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn trong công tác kế toán tại công ty. Và hơn nữa em hiểu thêm được sự cần thiết và quan trọng của kế toán nói chung và kế toán hàng tồn kho nói riêng.

Do thời gian thực tập có hạn, khả năng còn nhiều hạn chế nên khóa luận của em còn nhiều sai sót. Em mong được sự xem xét chỉ bảo của thầy cô và các cô chú anh chị trong Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Chấn Phong. Tuy nhiên trên cơ sở tình hình cụ thể của công ty, em có đưa ra một số đề xuất giải pháp, hy vọng những giải pháp đó sẽ góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán hàng tồn kho của công ty.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn ThS. Trần Thị Thanh Thảo, Ban lãnh đạo công ty và phòng kế toán đã tạo điều kiện hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, Ngày 25 tháng 12 năm 2016

Sinh viên

Trần Thị Phương

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1 Hệ thống tài khoản*, Nhà xuất bản tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), *Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản tài chính.
3. Quyết định số 48/2006 QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính
4. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Chấn Phong (2015), *Sổ sách kế toán tại công ty*.